

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA TRÁI PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

# BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

## VNT Logistics

The best logistic solutions

*Giấy chứng nhận ĐKDN số 0101352858 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/04/2003, cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 30/11/2018*

### CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

*(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 305/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 12 năm 2020)*

BẢN CÁO BẠCH VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

#### TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

**Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương**

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

Tel: (024) 3732 1090 - Fax: (024) 3732 1083

Website: <http://www.vntlogistics.com> - Email: [info@vntlogistics.com](mailto:info@vntlogistics.com)

#### TỔ CHỨC TƯ VẤN:

**Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT**

Địa chỉ: Số 52 Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3773 7070 - Fax: (024) 3773 9058

Email: [fptsecurities@fpts.com.vn](mailto:fptsecurities@fpts.com.vn) - Website: [www.fpts.com.vn](http://www.fpts.com.vn)

*Phụ trách công bố thông tin:*

*Họ tên:* Nguyễn Mạnh Bắc

*Số điện thoại:* 0912.668.043 – Email: [bacnm@vntlogistics.com](mailto:bacnm@vntlogistics.com)

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0101352858 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 04 năm 2003, cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 30/11/2018)

### **CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG**

<b>Tên trái phiếu:</b>	<b>Trái phiếu Chuyển đổi Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương</b>
Loại trái phiếu	: Trái phiếu chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo
Thời gian đáo hạn	: 02 năm kể từ ngày phát hành
Lãi suất	: 7%/năm
Kỳ hạn trả lãi	: 01 năm/lần
Mệnh giá	: 100.000 đồng/trái phiếu
Giá bán	: 100.000 đồng/trái phiếu
Tổng số lượng chào bán	: 1.200.000 Trái phiếu
	Trong đó:
	- Đợt 1: 600.000 trái phiếu - Trong quý III, IV/2020
	- Đợt 2: 600.000 trái phiếu – Trong năm 2021
Đối tượng chào bán	: Chào bán cho cổ đông hiện hữu
Tổng giá trị chào bán	: 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng)
	Trong đó:
	- Đợt 1: 60.000.000.000 đồng - Trong quý III, IV/2020
	- Đợt 2: 60.000.000.000 đồng – Trong năm 2021

#### **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

##### **Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

Địa chỉ	: Tầng 5, Sai Gon 3 Building, 140 Nguyễn Văn Thủ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại	: (028) 3827 5026
Fax	: (028) 3827 5027
Website	: <a href="http://www.rsm.com.vn">www.rsm.com.vn</a>

#### **TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

##### **Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT**

Địa chỉ	: Số 52 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội
Số Điện thoại	: (024) 3773 7070
Fax	: (024) 3773 9058
Website	: <a href="http://www.fpts.com.vn">www.fpts.com.vn</a>



**MỤC LỤC**

<b>I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....</b>	<b>6</b>
1. Rủi ro kinh tế.....	6
2. Rủi ro về luật pháp .....	12
3. Rủi ro đặc thù.....	13
4. Rủi ro của đợt chào bán.....	14
5. Rủi ro pha loãng .....	16
6. Rủi ro quản trị Công ty (Sau khi chuyển đổi thành cổ phiếu tăng vốn điều lệ).....	17
7. Rủi ro khác.....	18
<b>II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....</b>	<b>19</b>
1. Tổ chức phát hành.....	19
2. Tổ chức tư vấn.....	19
<b>III. CÁC KHÁI NIỆM.....</b>	<b>20</b>
<b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....</b>	<b>21</b>
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	21
2. Cơ cấu tổ chức Công ty .....	25
3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty.....	27
4. Danh sách Công ty mẹ và Công ty con của Tổ chức phát hành, những Công ty mà Tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với Tổ chức phát hành .....	30
5. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty.....	30
6. Hoạt động Kinh doanh.....	33
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....	35
8. Chính sách chia lợi nhuận hoặc cổ tức .....	39
9. Tình hình tài chính .....	39
10. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	43
11. Tài sản Công ty .....	65
12. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tới.....	67
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo .....	67
14. Đánh giá của tổ chức tư vấn (FPTS) về kế hoạch lợi nhuận .....	69
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành.....	70
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá trái phiếu chào bán .....	70
<b>V. TRÁI PHIẾU CHÀO BÁN.....</b>	<b>70</b>
1. Các văn bản pháp lý liên quan đến đợt chào bán .....	70
2. Loại trái phiếu.....	71
3. Lãi suất .....	71
4. Kỳ hạn trả lãi.....	71



5. Mệnh giá.....	71
6. Tổng số trái phiếu dự kiến chào bán .....	71
7. Kỳ hạn trái phiếu: (Thời hạn trái phiếu) .....	71
8. Giá chào bán dự kiến.....	71
9. Phương pháp tính giá .....	71
10. Phương thức phân phối .....	71
11. Thời gian phân phối trái phiếu .....	72
12. Đăng ký mua trái phiếu .....	72
13. Quyền của người sở hữu trái phiếu .....	73
14. Phương thức thực hiện quyền .....	73
15. Cam kết về bảo đảm.....	74
16. Các loại thuế có liên quan .....	74
17. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu .....	74
<b>VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....</b>	<b>74</b>
<b>VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN .....</b>	<b>75</b>
<b>VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN.....</b>	<b>77</b>
<b>IX. PHỤ LỤC .....</b>	<b>77</b>

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Các ngành nghề chính của Công ty .....	21
Bảng 2. Các thành tích của Công ty .....	24
Bảng 3. Danh sách Hội đồng quản trị Công ty .....	26
Bảng 4. Danh sách Ban kiểm soát Công ty.....	26
Bảng 5. Danh sách Ban Tổng giám đốc Công ty.....	27
Bảng 6. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty .....	30
Bảng 7. Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung ứng dịch vụ .....	33
Bảng 8. Cơ cấu lợi nhuận qua các năm .....	34
Bảng 9. Một số hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết .....	35
Bảng 10. Kết quả kinh doanh năm 2018, 2019 và quý III năm 2020 .....	35
Bảng 11. Cơ cấu lao động Công ty.....	37
Bảng 12. Cổ tức giai đoạn 2017 - 2020.....	39
Bảng 13. Các loại thuế phải nộp.....	39
Bảng 14. Nợ quá hạn của Công ty.....	40
Bảng 15. Các khoản nợ phải thu .....	41
Bảng 16. Các khoản nợ phải trả .....	42



---

Bảng 17. Một số chỉ tiêu tài chính.....	43
Bảng 18. Danh sách thành viên HĐQT của Công ty.....	44
Bảng 19. Danh sách thành viên Ban Tổng giám đốc .....	55
Bảng 20. Danh sách thành viên Ban kiểm soát.....	59
Bảng 21a. Giá trị tài sản Công ty tại ngày 30/09/2020 .....	65
Bảng 21b. Giá trị tài sản Công ty tại ngày 31/12/2019 .....	65
Bảng 22. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.....	66
Bảng 23. Các khoản đầu tư tài chính.....	66
Bảng 24. Kế hoạch kinh doanh năm 2020 .....	67

## **DANH MỤC BIỂU ĐỒ**

Biểu đồ 1. Tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm.....	7
Biểu đồ 2. Biến động chỉ số CPI qua các năm.....	11
Biểu đồ 3. Cơ cấu tổ chức Công ty.....	25
Biểu đồ 4. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty .....	27



## NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

#### 1. Rủi ro kinh tế

Rủi ro kinh tế là những rủi ro về sự tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất...đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Rủi ro này tác động đến tất các doanh nghiệp trong nền kinh tế với những mức độ ảnh hưởng khác nhau.

##### ❖ *Tốc độ tăng trưởng kinh tế*

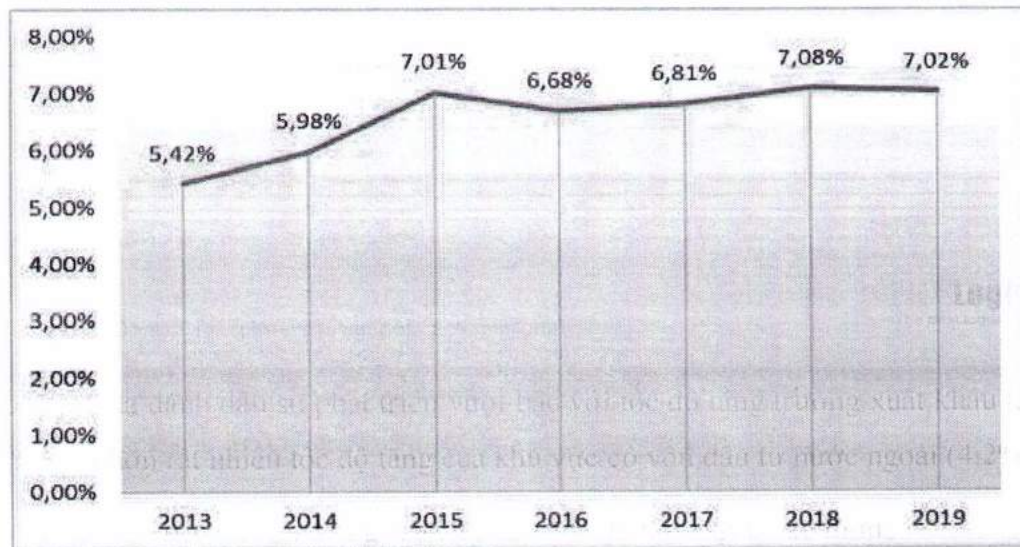
Kinh tế - xã hội nước ta năm 2019 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới biến động mạnh mẽ và tiềm ẩn nhiều yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp. Hơn nữa, dịch Covid - 19 làm kinh tế thế giới cũng như kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng nặng nề, nhiều Công ty phải cắt giảm nhân sự do gặp khó khăn về tài chính và không thể tiêu thụ được hàng hóa sản xuất ra. Năm 2019, lạm phát bình quân của Việt Nam ở mức 3%, đạt mục tiêu đề ra. Thành công này có được là nhờ hàng hóa thế giới giảm, chính sách tín dụng thận trọng, tỷ giá ổn định và dịch vụ y tế không tăng nhiều. Tuy nhiên, căng thẳng thương mại giữa các nước lớn cùng với xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch có tác động đến sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam và các nước trong khu vực Đông Nam Á. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tích cực trong năm 2019, nền kinh tế nước ta cũng đối mặt tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, tác động đến giá lương thực, thực phẩm, ảnh hưởng tới mục tiêu kiểm soát lạm phát; giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp.

GDP của Việt Nam năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02% vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra là từ 6,6 – 6,8%; trong đó quý I tăng 6,82%; quý II tăng 6,73%; quý III tăng 7,48% và quý IV tăng 6,97%. Mức tăng trưởng năm 2019 tuy thấp hơn mức tăng 7,08% của năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng của các năm trong giai đoạn 2011 - 2017. Năm 2019, Việt Nam cũng đạt được nhiều thành tựu lớn trong việc ký kết các hiệp định thương mại tự do. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa ước đạt gần 517 tỷ USD, tăng 7,6% so năm 2018; lần đầu vượt ngưỡng 500 tỷ USD và là kết quả lịch sử, với giá trị xuất siêu đạt mức kỷ lục mới đạt 9,94 tỷ USD. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 263,45 tỷ USD, tăng 8,1%. Khu vực kinh tế trong



nước năm qua đánh dấu sự phát triển vượt bậc với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu lên tới 17,7%, cao hơn rất nhiều tốc độ tăng của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (4,2%).

**Biểu đồ 1. Tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm**



*Nguồn: Tổng cục thống kê*

GDP của Việt Nam trong 06 tháng đầu năm 2020 tăng 1,81%, là mức tăng thấp nhất của 6 tháng các năm trong giai đoạn 2011 - 2020. Trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, toàn bộ hệ thống chính trị, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đặt ưu tiên hàng đầu việc phòng chống và dập dịch, hy sinh lợi ích kinh tế để bảo đảm tính mạng và sức khỏe của người dân. Đây chính là nền tảng vững chắc để nền kinh tế nước ta tiếp tục duy trì tăng trưởng, không rơi vào tình trạng tăng trưởng âm. Kết quả trên cho thấy thắng lợi của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và người dân trong cuộc chiến đẩy lùi dịch bệnh, đồng thời vẫn duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh và từng bước đưa nền kinh tế trở lại trạng thái bình thường như trước khi xảy ra dịch bệnh. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,19%, đóng góp 11,89% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 2,98%, đóng góp 73,14%; khu vực dịch vụ tăng 0,57%, đóng góp 14,97%. Trong những tháng đầu năm 2020, dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động thương mại, dịch vụ và xuất nhập khẩu. Khu vực dịch vụ trong 06 tháng đạt mức tăng thấp nhất của cùng kỳ các năm 2011 - 2020. Trong khu vực dịch vụ, đóng góp của một số ngành dịch vụ thị trường có tỷ trọng lớn vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của 6 tháng như sau: Bán buôn và bán lẻ tăng 4,3% so với cùng kỳ năm trước, là ngành đóng góp lớn

101  
CỘNG  
HÒA  
XÃ HỘI  
CHỦ NGHĨA  
LIÊN MINH  
VIỆT NAM  
NG



nhất vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế với 0,46 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 6,78%, đóng góp 0,32 điểm phần trăm; ngành vận tải, kho bãi giảm 3%, làm giảm 0,1 điểm phần trăm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 20,7%, làm giảm 0,95 điểm phần trăm. Về sử dụng GDP 6 tháng đầu năm 2020, tiêu dùng cuối cùng tăng 0,69% so với cùng kỳ năm 2019; tích lũy tài sản tăng 1,93%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ giảm 0,31%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ giảm 2,54%.

Công ty hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên kết quả hoạt động kinh doanh cũng như sự tăng trưởng của Công ty phụ thuộc nhiều vào sự tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong suốt những năm qua biến động không ngừng và mặc dù nền kinh tế Việt Nam được dự đoán sẽ tăng trưởng trong tương lai nhưng vẫn chứa đựng các rủi ro tiềm ẩn và có thể ảnh hưởng đến nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm sút có thể ảnh hưởng tới nhu cầu của người tiêu dùng, qua đó tạo ra rủi ro doanh thu, dòng tiền, hàng tồn kho, ảnh hưởng đến lợi nhuận và hoạt động của Công ty.

#### ❖ *Chính sách tiền tệ*

Khép lại năm 2019, chính sách tiền tệ đã về đích với nhiều điểm sáng đáng ghi nhận. Tuy nhiên, để thúc đẩy tăng trưởng bền vững, thực sự tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh trong năm 2019, điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Việc Ngân hàng Nhà nước lần đầu tiên giảm lãi suất điều hành kể từ năm 2017 đã trở thành điểm nhấn trong điều hành chính sách tiền tệ năm vừa qua. Theo đó, lãi suất tái cấp vốn giảm từ 6,25% xuống 6%/năm, lãi suất tái chiết khấu giảm từ 4,25% xuống 4%/năm. Theo Ngân hàng Nhà nước, quyết định này nhằm phù hợp với bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động, Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED), Ngân hàng trung ương châu Âu (ECB) và ngân hàng trung ương tại một số quốc gia cũng đã giảm lãi suất điều hành. Không lâu sau khi điều chỉnh lãi suất điều hành, căn cứ vào tình hình trong nước và quốc tế những tháng cuối năm, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục thay đổi trần lãi suất huy động và lãi suất cho vay. Theo đó, lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng giảm từ 5,5%/năm xuống 5%/năm. Cùng với đó, lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn từ 1 tháng



đến dưới 6 tháng tại quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô giảm từ 6% xuống 5,5%/năm. Ngoài ra, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với các nhu cầu vốn phục vụ nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao giảm từ 6,5%/năm xuống 6%/năm; lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô đối với các nhu cầu vốn này giảm từ 7,5%/năm xuống 7%/năm.

Điểm nhấn cuối cùng trong điều hành lãi suất năm 2019 là việc Ngân hàng Nhà nước giảm lãi suất tiền gửi dự trữ bắt buộc của các tổ chức tín dụng, có hiệu lực từ 01/12/2019. Trong điều chỉnh cuối cùng này, lãi suất đối với tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VND là 0,8%/năm, lãi suất đối với tiền gửi vượt dự trữ bắt buộc bằng VND là 0%/năm. Tương tự, đối với ngoại tệ lẫn lượt là 0,05%/năm và 0%/năm.

Còn trong những tháng đầu năm 2020, trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 trên khắp thế giới cũng như tại Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước đã điều hành linh hoạt, đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ để ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối, kiểm soát lạm phát, đảm bảo thanh khoản cho nền kinh tế, hỗ trợ tăng trưởng. Đến ngày 29/05/2020, tổng phương tiện thanh toán M2 tăng 3,4% so với cuối năm 2019; thanh khoản của hệ thống tổ chức tín dụng thông suốt. Trong điều hành lãi suất, từ đầu năm 2020 đến nay, Ngân hàng Nhà nước đã điều chỉnh giảm 2 lần các mức lãi suất điều hành, với tổng mức giảm 1 - 1,5%/năm để hỗ trợ thanh khoản cho Tổ chức tín dụng, tạo điều kiện cho Tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp từ Ngân hàng Nhà nước; giảm 0,6 - 0,75%/năm trần lãi suất tiền gửi các kỳ hạn dưới 6 tháng và giảm 1%/năm trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên trợ, hiện ở mức 5,0%/năm, để hỗ trợ giảm chi phí vay vốn của doanh nghiệp và người dân. Theo đó, mặt bằng lãi suất thị trường có xu hướng giảm so với đầu năm. Về điều hành tỷ giá, mặc dù thị trường quốc tế diễn biến phức tạp, nhưng tỷ giá và thị trường ngoại tệ trong nước ổn định, thanh khoản thông suốt, Tổ chức tín dụng mua ròng từ khách hàng, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của nền kinh tế được đáp ứng đầy đủ, kịp thời. Đến cuối tháng 05/2020, tỷ giá trung tâm tăng 0,46%, tỷ giá liên ngân hàng tăng 0,49% so với đầu năm.

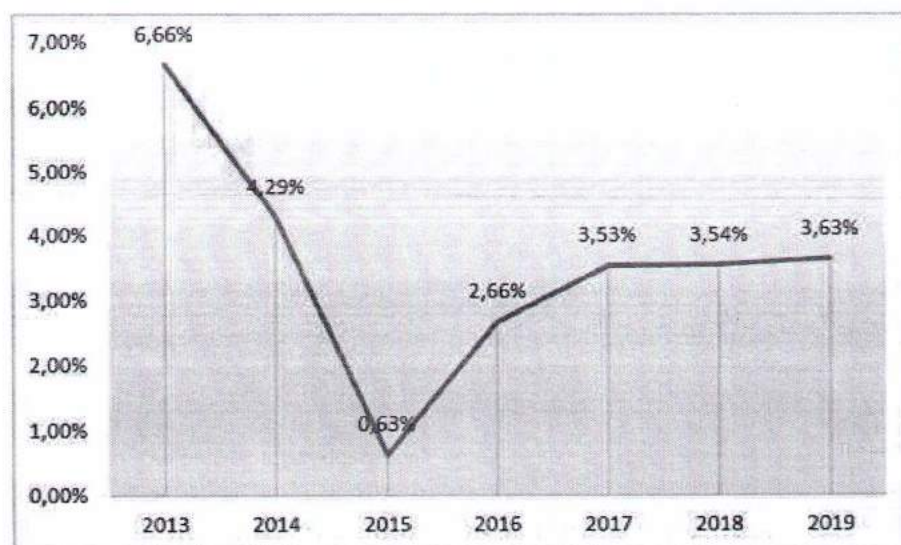
Năm 2019, CPI bình quân của Việt Nam tăng 2,79% so với năm 2018 giữ ở mức 3,63%, chỉ số CPI cao nhất kể từ năm 2015 tuy nhiên lại là mức tăng thấp nhất trong vòng 3 năm qua. Nguyên nhân chủ yếu làm tăng CPI trong năm 2019 là do một số mặt



hàng tăng giá theo quy luật hàng năm như nhóm hàng tiêu dùng (thực phẩm, dịch vụ ăn uống, đồ uống, dịch vụ giao thông công cộng, du lịch,...). Giá nhiên liệu, chất đốt trong nước tăng theo giá thế giới; giá dịch vụ y tế điều chỉnh tăng theo mức tăng thêm của lương cơ bản; giá vật liệu xây dựng và nhân công tăng do nhu cầu và chi phí đầu vào. Công ty luôn tính toán kỹ lưỡng thời gian thực hiện, thời hạn thanh toán các hợp đồng với đối tác để hạn chế thấp nhất rủi ro trong chính sách tiền tệ, tránh các rủi ro về tỷ giá.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 06/2020 tăng 0,66% so với tháng trước, giảm 0,59% so với tháng 12/2019 - mức thấp nhất trong giai đoạn 2016-2020 do các ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh Covid-19. Bình quân 6 tháng đầu năm 2020, chỉ số giá tiêu dùng tăng 4,19% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2016 - 2020. Theo đại diện Tổng cục Thống kê, CPI bình quân 6 tháng đầu năm nay tăng do một số nguyên nhân chủ yếu sau: Giá các mặt hàng lương thực tăng 3,38% so với cùng kỳ năm trước (làm CPI chung tăng 0,15%); giá các mặt hàng thực phẩm tăng 14,28% so với cùng kỳ năm trước (làm CPI chung tăng 3,23%), trong đó riêng giá thịt lợn tăng 68,2% (làm CPI chung tăng 2,86%); giá các mặt hàng đồ uống, thuốc lá và các loại quần áo may sẵn tăng cao, lần lượt tăng 1,7% và 0,93% so với cùng kỳ năm 2019. Bên cạnh đó, có một số yếu tố góp phần kiềm chế tốc độ tăng CPI 6 tháng đầu năm: Giá các mặt hàng thiết yếu như xăng, dầu giảm 19,49% (tác động làm CPI chung giảm 0,81%); giá gas trong nước giảm 3,63%; ảnh hưởng của dịch COVID-19 và nhu cầu đi lại, du lịch của người dân sau tết giảm làm giá của nhóm du lịch trọn gói giảm 1,49% so với cùng kỳ năm trước; giá cước vận tải của các loại phương tiện như tàu hỏa, máy bay giảm; Chính phủ triển khai hàng loạt các gói hỗ trợ cho người dân và người sản xuất gặp khó khăn do dịch COVID-19 như gói hỗ trợ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam triển khai giảm giá điện, tiền điện cho khách hàng nên giá điện tháng 5 và tháng 6 năm nay giảm lần lượt là 0,28% và 2,72% so với tháng trước; các cấp, các ngành tích cực triển khai thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ để ngăn chặn diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 và ổn định thị trường.



**Biểu đồ 2. Biến động chỉ số CPI qua các năm**


Nguồn: Tổng cục thống kê

**❖ Lãi suất**

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng vốn vay từ ngân hàng dẫn đến chi phí đi vay tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong những năm qua lãi suất trên thị trường biến động không ngừng với nhiều những chính sách được ban hành như thắt chặt chính sách tiền tệ, áp trần lãi suất. Hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Trái ngược với những năm trước, lãi suất năm 2019 có xu hướng đi ngang và giảm dần về cuối năm. Đây là tình huống trước nay chưa hề có, thế nhưng nó lại phù hợp với xu hướng điều phối dòng vốn của Ngân hàng Nhà nước và nới lỏng chính sách tiền tệ của các nước trên thế giới. Mở đầu cho loạt chính sách này là thông báo giảm một loạt lãi suất điều hành của Ngân hàng Nhà nước vào ngày 13/09/2019, theo đó, giảm lãi suất tái cấp vốn từ 6,25%/năm xuống 6%/năm; lãi suất tái chiết khấu từ 4,25%/năm xuống 4%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các ngân hàng từ 7,25%/năm xuống 7%/năm. Đồng thời lãi suất chào mua giấy tờ có giá qua nghiệp vụ thị trường mở từ 4,75%/năm xuống 4,5%/năm.

Từ đầu năm 2020 đến nay, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều chỉnh giảm 2 lần các mức lãi suất điều hành với tổng mức giảm 1% - 1,5%/năm để hỗ trợ thanh khoản và tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp; trong đó giảm 0,6%



- 0,75%/năm mức lãi suất trần tiền gửi các kỳ hạn dưới 6 tháng và giảm 1%/năm mức lãi suất trần cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên. Hiện nay, lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,1% - 0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 4% - 4,25%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,9% - 6,6%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 6,5% - 7,4%/năm. Mặt bằng lãi suất cho vay đồng Việt Nam phổ biến ở mức 6% - 9%/năm đối với cho vay ngắn hạn; 9% - 11%/năm đối với cho vay trung và dài hạn.

Với đặc thù lĩnh vực kinh doanh là ngành Logistics, nhu cầu về vốn của Công ty là tương đối lớn, ngoài ra Công ty còn đang tiến hành đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để mở rộng kinh doanh do vậy biến động của lãi suất ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nếu lãi suất tăng cao sẽ làm chi phí lãi vay tăng thêm, Công ty khó cân đối được các khoản tài chính. Tại ngày 30/06/2020, Công ty đã ghi nhận khoản vay ngắn hạn nhiều nhất từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số tiền 137,2 tỷ đồng, lãi suất 7,5%/năm và vay ít nhất từ Ngân hàng TMCP Á Châu với số tiền 7,3 tỷ đồng lãi suất 7,5 - 7,6%/năm.

## **2. Rủi ro về luật pháp**

Tại thời điểm hiện nay còn rất doanh nghiệp Việt Nam còn chưa nắm rõ về luật pháp, đặc biệt là các điều ước và thông lệ quốc tế. Bên cạnh đó, hệ thống luật pháp trong nước cũng chưa đồng bộ, đang trong quá trình hoàn thiện, việc thực hiện chưa đạt hiệu quả cao nên khả năng chính sách của Nhà nước thay đổi sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt là sự thay đổi các quy định, chính sách.

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các điều Luật như Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật Đầu tư... Tuy nhiên, Luật pháp và các văn bản có liên quan, các quy định của ngành, hướng dẫn về thuế thường xuyên thay đổi, chưa đồng bộ và đang trong quá trình hoàn thiện nên sẽ tác động đến kết quả kinh doanh và định hướng của Công ty. Việc này dễ dẫn đến nguy cơ bị kiện tụng, tranh chấp, bồi thường có thể xảy ra nếu Công ty không am hiểu, không thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật mới. Doanh nghiệp luôn tập trung chú ý vào sự cập nhật của pháp luật cũng như ký kết hợp đồng với các bên tư vấn để đảm bảo tính pháp lý trong việc sản xuất và vận hành. Hơn thế nữa, Công ty đã và đang thực hiện các chương trình đào tạo các chuyên viên pháp lý để kịp thời nắm bắt và cập nhật kiến



thức pháp luật để phục vụ cho Công ty.

### 3. Rủi ro đặc thù

#### ❖ *Rủi ro đặc thù ngành*

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải đa phương thức nên Công ty chịu ảnh hưởng bởi tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Việc mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế và thương mại với các nước, triển khai các hiệp định thương mại đa phương và song phương sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Việt Nam có thêm điều kiện mở rộng thị trường xuất nhập khẩu là cơ hội cho các doanh nghiệp Logistics phát triển doanh thu và hệ thống khách hàng của mình. Tuy nhiên, khi ngành xuất nhập khẩu đình trệ, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu gặp khó khăn trong việc bán hàng cũng như phát triển thị trường thì nhu cầu về vận tải đa phương thức sẽ bị giảm xuống và điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

VNT hoạt động trong lĩnh vực Logistics, doanh thu chủ yếu đến từ dịch vụ vận tải bằng đường hàng không và đường biển nên có thể tiềm ẩn nhiều rủi ro. Vận tải qua đường hàng không tuy tiết kiệm về thời gian nhưng lại rất dễ bị tác động bởi thời tiết, thời tiết xấu khiến máy bay không thể cất cánh dẫn đến chậm trễ trong việc giao nhận hàng hóa. Hay những trục trặc nhỏ trên máy bay có thể mang đến nhiều vấn đề lớn hoặc có thể phát sinh thêm thời gian vận chuyển trong nhiều trường hợp...

Còn đối với vận tải bằng đường biển có thể gặp những rủi ro sau:

- *Rủi ro do thiên tai:* Do ảnh hưởng của thời tiết, bão lốc, sóng thần, biển động...
- *Rủi ro do tai nạn:* Thường là các loại tai nạn va chạm, mắc cạn, tàu chìm...
- *Rủi ro do con người:* Thuộc các trường hợp cướp biển, chiến tranh, bị tích thu, bắt giữ...

#### ❖ *Rủi ro hoạt động của Công ty*

Với đặc điểm doanh thu kinh doanh vận tải chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Công ty, nên sự biến động giá xăng dầu trên thị trường có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động của Công ty vì các phương tiện vận chuyển tiêu tốn khá nhiều nhiên liệu. Ngoài ra, các chính sách quản lý của Nhà nước cho hoạt động này vẫn chưa



tạo ra một cơ chế thị trường thật sự hợp lý, minh bạch, do vậy Công ty vẫn bị phụ thuộc vào các chính sách của cơ quan quản lý Nhà nước. Chính vì các rủi ro trên, ngay từ lúc này Công ty đã và đang tập trung kiểm soát chi phí, đẩy mạnh đổi mới hoạt động, tăng cường chất lượng dịch vụ, mở rộng phát triển mạng lưới kinh doanh để đạt lợi nhuận cao.

#### **4. Rủi ro của đợt chào bán**

##### ***a. Rủi ro trong phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu***

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 về phương án sử dụng vốn thu được trong đợt 1 của đợt chào bán Trái phiếu chuyển đổi ra công chúng, CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT) sở hữu quyền góp vốn vào CTCP Logistics Thăng Long với số tiền 20.000.000.000 (Hai mươi tỷ đồng) để mở rộng đầu tư (giai đoạn 2). Thời gian thực hiện góp vốn: Phân kỳ góp vốn làm nhiều đợt theo tiến độ xây dựng và mua sắm thiết bị.

Hiện tại, Công ty đã nhận được thông báo ngày 24/08/2020 về việc chuyển tiền góp vốn đợt 1 với giá trị 2.585.000.000 đồng với thời hạn góp vốn trước 31/12/2020 và đợt 2 năm dự kiến vào quý I hoặc II/2021 (CTCP Logistics Thăng Long sẽ thông báo chính thức trước thời hạn góp vốn 15 ngày làm việc)

Phương án tăng vốn của CTCP Logistics Thăng Long với mục đích để Đầu tư xây dựng dự án Trung tâm Logistics Thăng Long mở rộng, và việc thực hiện góp vốn của cổ đông sẽ phân làm nhiều đợt theo tiến độ xây dựng và mua sắm thiết bị, do đó rủi ro có thể xảy ra là tiến độ xây dựng, mua sắm thiết bị có thể kéo dài dẫn đến thời hạn góp vốn có thể kéo dài hơn dự kiến đã thông báo. Để đảm bảo sử dụng vốn thu được từ phát hành trái phiếu hiệu quả, theo ủy quyền của Đại Hội đồng cổ đông tại Phương án được phê duyệt, Hội đồng quản trị VNT sẽ cập nhật tình hình dự án Đầu tư xây dựng dự án Trung tâm Logistics Thăng Long mở rộng, và tiến hành điều chỉnh phương án sử dụng vốn nếu thấy cần thiết theo quy định.

##### ***b. Rủi ro xảy ra khi đợt chào bán Trái phiếu không thu đủ số tiền như dự kiến***

Kế hoạch chào bán Trái phiếu chuyển đổi ra công chúng của Công ty có thể tiềm ẩn rủi ro không chào bán hết lượng trái phiếu dự định chào bán. Do đợt phát hành không được bảo lãnh phát hành nên có thể xảy ra trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua trái phiếu dẫn đến số lượng trái phiếu thực tế bán được thấp hơn khối





lượng dự kiến chào bán trong thời hạn được cấp phép chào bán. Điều này còn phụ thuộc khá nhiều vào thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2020, 2021 và cả nội tại của VNT.

Do chịu ảnh hưởng từ dịch bệnh COVID-19, thị trường chứng khoán Việt Nam đã trải qua những biến động rất mạnh trong 06 tháng đầu năm 2020. Những biến động này khiến nhiều nhà đầu tư lỗ nặng, nhưng cũng tạo ra cơ hội kiếm tiền cho những nhà đầu tư bắt đúng đáy cổ phiếu. Theo nhận định của giới đầu tư và các chuyên gia, thị trường chứng khoán Việt Nam nằm trong nhóm các thị trường giảm điểm sâu nhất trong quý I, nhưng cũng là một trong những thị trường có mức hồi phục mạnh nhất. Chỉ số VN-Index đã tăng 36% từ mức đáy 662 điểm (31/03/2020) lên 900 điểm (10/06/2020).

Thị trường chứng khoán biến động mạnh đã khiến một lớp nhà đầu tư mới được hình thành, giúp cho thanh khoản tăng cao kỷ lục. Thị trường thường xuyên có những phiên giá trị giao dịch khoảng 9.000 tỷ đồng, thậm chí có phiên lên tới hơn 10.000 tỷ đồng. Đặc biệt, trong phiên giao dịch ngày 15/06, giá trị khớp lệnh lên tới hơn 1 tỷ USD, đây là kỷ lục về giá trị giao dịch từ khi thành lập thị trường chứng khoán.

Đối với cổ phiếu VNT, hiện nay Công ty đang lưu hành 11.893.605 cổ phiếu trên thị trường với giá cao nhất trong năm 2019 là 61.000 đồng. Do ảnh hưởng của tình hình dịch Covid-19, thị trường chứng khoán biến động mạnh nhưng trong những tháng gần đây, cổ phiếu VNT cũng đã có sự cải thiện đáng kể từ đầu năm 2020, giá cổ phiếu có chiều hướng tăng trở lại và hiện đang giao dịch quanh mức giá 55-60.000 đồng. Điều này thể hiện sự quan tâm của nhà đầu tư đến cổ phiếu VNT và đánh giá cao hoạt động kinh doanh của Công ty và việc đầu tư vốn vào VNT.

Với trường hợp cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết số Trái phiếu được mua, theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, số trái phiếu chưa được phân phối hết sẽ bị hủy bỏ.

❖ *Phương án xử lý khi đợt chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến*

Trong trường hợp chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến, Hội đồng quản trị công ty đã có kế hoạch huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau như vay vốn thương mại, vay vốn tín dụng Ngân hàng hoặc điều chỉnh các hạng mục sử dụng vốn, phương án thanh toán, tái cơ cấu các khoản nợ của Công ty theo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



## 5. Rủi ro pha loãng

Rủi ro pha loãng xuất hiện khi các trái phiếu chuyển đổi được chuyển đổi thành cổ phiếu vào thời điểm chuyển đổi, dẫn tới tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các cổ đông hiện thời có thể bị suy giảm. Số lượng cổ phiếu tăng thêm từ chuyển đổi trái phiếu sẽ dẫn tới chỉ tiêu EPS (thu nhập trên cổ phiếu) bị giảm do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân tăng lên.

Tại thời điểm chuyển đổi, việc phát sinh tăng thêm một lượng lớn cổ phiếu cũng sẽ làm cho chỉ số EPS thay đổi. Nhà đầu tư có thể tham khảo các tính EPS sau:

\* Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông}}{\text{Số bình quân gia quyền của cổ phiếu lưu hành trong kỳ}}$$

Trên thực tế sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS. Vì vậy nhà đầu tư cần đánh giá một cách cẩn trọng vấn đề này.

Số cổ phần đang lưu hành của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT) là **11.893.605** cổ phần. Số cổ phần tại thời điểm chuyển đổi dự kiến tăng thêm 8.000.000 cổ phần tương đương, tăng tương ứng 67,26 % so với số cổ phần hiện tại.

Việc phát hành thêm một khối lượng cổ phần như trên sẽ dẫn đến điều chỉnh giảm của giá cổ phần do tác động pha loãng. Tại thời điểm chuyển đổi, Giá cổ phiếu có thể bị điều chỉnh giảm như sau:

$$P = \frac{Pt-1 + (I \times PR)}{1 + I} = \frac{50.000 + (67,26\% \times 15.000)}{1 + 67,26\%} = 35.925 \text{ VNĐ/CP}$$

Trong đó:

P : Giá thị trường của cổ phiếu sau khi pha loãng

Pt-1 : Giá thị trường của cổ phiếu trước khi pha loãng (giả định giá thị trường trước khi chuyển đổi dự kiến là 50.000 đồng/cổ phần)

I : Tỷ lệ tăng vốn



PR : Giá cổ phiếu bán cho người nắm giữ Trái phiếu tại thời điểm chuyển đổi (quy ra từ tỷ lệ chuyển đổi)

Trong thời gian Trái phiếu chuyển đổi có hiệu lực, khi chưa đến hạn chuyển đổi nếu Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phiếu hoặc phát hành thêm trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và/hoặc phát hành cho các đối tượng khác sẽ làm cho tỷ lệ sở hữu của người mua trái phiếu khi chuyển đổi bị giảm xuống.

#### **6. Rủi ro quản trị Công ty (Sau khi chuyển đổi thành cổ phiếu tăng vốn điều lệ)**

Bao gồm toàn bộ các yếu tố có khả năng làm cho doanh nghiệp chịu thiệt hại về mặt lợi ích. Các yếu tố có thể xuất phát từ nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác quản trị tài chính, nhân sự, năng suất hoạt động sản xuất kinh doanh, thương hiệu... Các rủi ro chủ quan chủ yếu là do con người tạo nên, phát sinh từ sai lầm của các cấp lãnh đạo, cán bộ quản lý và người lao động. Ngược lại, các sự kiện bất khả kháng, sự thay đổi đột ngột của các văn bản luật, biến động thị trường... là các rủi ro khách quan, vượt khỏi tầm kiểm soát của con người. Vì thế, VNT phải có đủ khả năng phân tích, đánh giá và khắc phục các yếu tố rủi ro này để đảm bảo việc quản trị doanh nghiệp được thực hiện một cách ổn định và có hiệu quả, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Trong quá trình hoạt động, để giảm thiểu các rủi ro có thể xảy ra về mặt quản trị, Công ty luôn có kế hoạch rà soát lại các chính sách, quy trình nội bộ, thủ tục nghiệp vụ để đảm bảo rằng mọi quyết định, hoạt động của cấp quản lý luôn chính xác và mang lại sự phát triển cho Công ty. Các cán bộ quản lý cấp cao chịu trách nhiệm giám sát và kiểm tra trực tiếp hoạt động của các cán bộ quản lý cấp thấp hơn nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành. Ngoài ra, Ban kiểm soát của Công ty có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ các quy định pháp lý của mỗi bộ phận và khối nghiệp vụ. Bên cạnh đó, để đảm bảo luôn cập nhật nhanh, đúng và đầy đủ các văn bản pháp luật, Ban lãnh đạo Công ty tận dụng tối đa các nguồn lực sẵn có, đồng thời hợp tác với các đơn vị tư vấn có uy tín trên thị trường để hỗ trợ cấp lãnh đạo trong việc đưa ra các quyết định quan trọng liên quan đến sự phát triển của Công ty.

Sau khi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, cơ cấu cổ đông có sự thay đổi nhưng không ảnh hưởng lớn đến cơ cấu quản trị và điều hành của Công ty. Ban quản trị Công ty đã đề ra phương án phát hành khả thi và được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.



Điều này cho thấy sự tin tưởng của các cổ đông vào sự khả thi của phương án đối với sự phát triển của Công ty. Vì vậy có thể khẳng định rủi ro từ hoạt động quản trị của Công ty là không lớn.

#### **7. Rủi ro khác**

Ngoài những rủi ro nêu trên, các rủi ro khác mang tính bất khả kháng cũng có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty như: thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, khủng bố... Những loại rủi ro này gây nên tâm lý bất an, gây thiệt hại, ảnh hưởng đến lợi ích của các cá nhân, tổ chức là khách hàng của Công ty.



## II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức phát hành

#### Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT)

Ông: Nguyễn Xuân Giang Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: Trần Công Thành Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bà: Đỗ Thị Thu Hiền Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông: Thái Văn Toàn Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là hoàn toàn chính xác, trung thực và xin chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

### 2. Tổ chức tư vấn

#### Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (FPTS)

Đại diện Tổ chức tư vấn: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Chức vụ: Giám đốc Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp

*Quyết định Ủy quyền Số 125-2019/QĐ/FPTS-FHR ngày 23/12/2019 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.*

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký phát hành trái phiếu chuyển đổi do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT là đơn vị tư vấn đã tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cung cấp.



### III. CÁC KHÁI NIỆM

<b>UBCKNN</b>	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
<b>Công ty</b>	: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương
<b>CTCP</b>	: Công ty Cổ phần
<b>ĐHĐCĐ</b>	: Đại hội đồng cổ đông
<b>HĐQT</b>	: Hội đồng Quản trị
<b>BKS</b>	: Ban kiểm soát
<b>BTGD</b>	: Ban Tổng giám đốc
<b>CBCNV</b>	: Cán bộ công nhân viên
<b>Điều lệ Công ty</b>	: Điều lệ CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại thương
<b>Tổ chức chào bán</b>	: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương
<b>VĐL</b>	: Vốn điều lệ
<b>VNT</b>	: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương
<b>TCPH</b>	: Tổ chức phát hành
<b>BCTC</b>	: Báo cáo tài chính



#### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

##### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

❖ *Thông tin chung về Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương:*

Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương
Tên tiếng Anh	:	The Van cargoes and Foreign trade logistics Joint Stock Company
Logo Công ty	:	<b>VNT Logistics</b> The best logistic solutions
Người đại diện	:	Ông Trần Công Thành – Tổng Giám đốc
Trụ sở	:	Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại	:	(024) 3732 1090
Fax	:	(024) 3732 1083
Website	:	<a href="http://www.vntlogistics.com/">http://www.vntlogistics.com/</a>
Email	:	<a href="mailto:info@vntlogistics.com">info@vntlogistics.com</a>
Vốn điều lệ	:	119.490.050.000 VNĐ (Một trăm mười chín tỷ bốn trăm chín mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)

**Bảng 1. Các ngành nghề chính của Công ty**

STT	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
		(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật)
1	4719	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp

		Chi tiết: Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại
2	8230	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: - Tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hoá;
3	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận uỷ thác xuất nhập khẩu;
4	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi
5	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hoá nội địa và quá cảnh; - Kinh doanh các dịch vụ về vận tải hàng xuất nhập khẩu - Vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải - Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh
6	5224	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Xếp hàng hóa hoặc hành lý của hành khách lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển
7	5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng xuất nhập khẩu; - Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước; - Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài; - Đại lý tàu biển. - Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức; - Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu (thủ tục



		hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu;
8	4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống
9	5320	Chuyên phát Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ chuyên phát trong nước và quốc tế
10	5310	Bưu chính Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bưu chính trong nước và quốc tế
11	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Môi giới hàng hải

❖ **Quá trình hình thành phát triển:**

- Tháng 06 năm 1996 Công ty Giao nhận kho vận Ngoại Thương Thành phố Hồ Chí Minh Vinatrans – một Công ty Giao nhận hàng đầu của Việt nam, đơn vị anh hùng lao động thời kỳ đổi mới, thành lập chi nhánh phía bắc mang tên Vinatrans Hà nội.
- Năm 2003 chi nhánh Vinatrans Hà nội tiến hành cổ phần hóa theo quyết định số 1685/2002/QĐ/BTM ngày 30/12/2002 của Bộ Thương mại và chuyển thành Công ty cổ phần giao nhận vận tải Ngoại Thương – tên giao dịch là Vinatrans Hà nội theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103002086 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 04 năm 2003, thay đổi lần 6 ngày 03 tháng 09 năm 2008.
- Năm 2006 Công ty kỷ niệm 10 năm thành lập và vinh dự đón nhận huân chương lao động hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng do đạt được các thành tích kinh doanh xuất sắc.
- Tháng 08 năm 2009: Cổ phiếu của Công ty chính thức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Tháng 05 năm 2011 thay đổi nhận diện thương hiệu từ VINATRANS HA NOI sang VNT Logistics.

- Năm 2015 Công ty phát hành đợt ESOP đầu tiên cho CBCNV, đồng thời phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 2:1
- Năm 2017 Công ty lại tiếp tục phát hành đợt cổ phiếu ESOP cho CBCNV làm tăng vốn điều lệ, năm 2017 Công ty cũng kỷ niệm 20 năm ngày thành lập Công ty với bằng khen của BCT
- Năm 2018 Công ty chuyển đổi thành công trái phiếu chuyển đổi 72 tỷ, làm tăng vốn điều lệ lên thành 119.490.050.000 đồng

❖ **Các thành tích Công ty đạt được:**

**Bảng 2. Các thành tích của Công ty**

Năm	Thành tích đạt được
2001	Đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” Nhận bằng khen của Bộ Thương Mại
2002	Bằng khen của Bộ Thương Mại Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ Đạt danh hiệu “ Tập thể lao động xuất sắc”
2003	Bằng khen của Bộ Thương Mại Đạt danh hiệu “ Tập thể lao động xuất sắc”
2004	Bằng khen của Bộ Thương Mại Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Thương Mại Đạt danh hiệu “ Tập thể lao động xuất sắc”
2005	Đạt danh hiệu “ Tập thể lao động xuất sắc”
2006	Huân chương lao động hạng 3
2007	Bằng khen của Bộ Thương Mại
2016	Bằng khen của Bộ Công Thương Đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”
2017	Bằng khen của Bộ Công Thương Đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

*Nguồn: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương*



**2. Cơ cấu tổ chức Công ty**

**Biểu đồ 3. Cơ cấu tổ chức Công ty**



*Nguồn: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương*

**Diễn giải:**

**Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và người được cổ đông ủy quyền, họp mỗi năm ít nhất một lần trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và có thể được gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty.

**Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm, có quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát chỉ đạo của Hội đồng quản



trị. Hội đồng quản trị Công ty hiện có 07 thành viên và có cơ cấu như sau:

**Bảng 3. Danh sách Hội đồng quản trị Công ty**

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Trần Công Thành	Thành viên HĐQT
3	Ông Vũ Thế Đức	Thành viên HĐQT
4	Ông Trương Minh Long	Thành viên HĐQT
5	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên HĐQT
6	Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên HĐQT
7	Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên HĐQT

*Nguồn: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương*

#### **Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính của Công ty. Hiện tại, Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

Ban kiểm soát của Công ty hiện có 03 thành viên và có cơ cấu như sau:

**Bảng 4. Danh sách Ban kiểm soát Công ty**

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Thái Văn Toàn	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Vũ Thị Bình Nguyên	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Nguyễn Quốc Thiên Kim	Thành viên Ban Kiểm soát

*Nguồn: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương*



### Ban Tổng giám đốc

Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bầu nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty theo những chiến lược và kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền và các nghĩa vụ được giao. Giúp việc cho Tổng giám đốc là các Phó tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ Công ty.

**Bảng 5. Danh sách Ban Tổng giám đốc Công ty**

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Trần Công Thành	Tổng Giám đốc
2	Ông Tăng Anh Quốc	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Ngô Trọng Bắc	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Lê Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Nguồn: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương

### 3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

**Biểu đồ 4. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty**



Nguồn: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương

526  
G T  
HÃN  
I VẬN  
HƯỞN  
TP. H

❖ **Phòng Tài chính kế toán**

Phòng Tài chính Kế toán là phòng nghiệp vụ thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực:

- Quản lý, kiểm tra, hướng dẫn và thực hiện chế độ kế toán - thống kê; Quản lý tài chính, tài sản theo Pháp lệnh của Nhà nước, Điều lệ và quy chế tài chính của Công ty:
  - Thực hiện những công việc về nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán theo đúng quy định của Nhà nước về chuẩn mực kế toán, nguyên tắc kế toán...
  - Theo dõi phản ánh sự vận động vốn kinh doanh của Công ty dưới mọi hình thái và cố vấn cho Ban lãnh đạo các vấn đề liên quan.
  - Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về chế độ kế toán và những thay đổi của chế độ qua từng thời kỳ trong hoạt động kinh doanh.
  - Cùng các bộ phận khác tạo nên mạng lưới thông tin quản lý năng động, hữu hiệu.
- Đáp ứng nhu cầu về tài chính cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo kế hoạch; Bảo toàn và phát triển vốn của Công ty và các cổ đông.

❖ **Phòng Hành chính nhân sự**

Tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc Công ty và tổ chức thực hiện các việc trong lĩnh vực tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, chế độ chính sách thi đua, khen thưởng, kỷ luật; chế độ tiền lương, chính sách; tài chính, tài sản; đối nội, đối ngoại; công tác hành chính, quản trị; văn thư, lưu trữ và các mảng tổng hợp khác. Kiểm tra, đôn đốc các bộ phận trong Công ty thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế, chế độ chính sách của Công ty.

❖ **Phòng Quản trị chất lượng**

- Đảm bảo các bước thực hiện dịch vụ tuân thủ đúng theo quy trình đã đề ra;
- Xây dựng hệ thống thực hiện, kiểm tra quy trình cho mỗi sản phẩm dịch vụ;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện đơn hàng;

❖ **Phòng Giao nhận đường biển**

- Cung cấp cho khách hàng dịch vụ Gửi hàng lẻ đường biển từ Việt Nam đi mọi nơi trên thế giới (LCL/FCL) với các thị trường mạnh là Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản và Châu Á;
- Dịch vụ nhập hàng nguyên container (FCL) với giá cạnh tranh và có hỗ trợ phí lưu kho;



- Dịch vụ hàng công trình và triển lãm tại Việt Nam và các nước khu vực như Lào, Campuchia.

**❖ Phòng Giao nhận hàng không**

- Giao nhận từ kho chủ hàng hoặc sân bay đến sân bay hoặc kho người nhận với đa dạng các mặt hàng: giày dép, hàng may mặc thời trang, hàng máy móc thiết bị, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng rau quả;
- Vận chuyển kết hợp đường biển và đường hàng không;
- Dịch vụ chuyển phát nhanh (chứng từ, hàng mẫu, hàng thương phẩm);
- Gom hàng lẻ xuất khẩu và chia lẻ hàng nhập khẩu;
- Dịch vụ khai quan và giao nhận nội địa;
- Dịch vụ đại lý hải quan;
- Đại lý bán cước và hợp đồng vận chuyển với nhiều hãng hàng không lớn trên thế giới cam kết tại Việt Nam như SQ, TG, VN, BA.

**❖ Phòng Đại lý tàu biển**

- Cung cấp dịch vụ đại lý hàng hải trọn gói đối với tàu container định tuyến, bao gồm thủ tục và giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu, quản lý khai thác dịch vụ container của một số hãng tàu;
- Địa bàn hoạt động chính của phòng là tại khu vực Cảng Tp. Hồ Chí Minh và Hải Phòng.

**❖ Phòng Logistics**

- Cung cấp dịch vụ khai quan giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu cho các Công ty xuất nhập khẩu, các nhà máy trên toàn quốc và khách hàng nước ngoài.
- Thực hiện vận chuyển, giao nhận và lắp đặt máy móc thiết bị cho các công trình lớn nhỏ trên toàn quốc.

**❖ Các Dịch vụ hỗ trợ**

- Giao nhận hàng với các điều kiện EXW hoặc DDU/DDP;
- Giao Door/Door và dịch vụ House/Office remove;
- Giao nhanh chứng từ hàng mẫu qua hệ thống DHL;
- Tư vấn về mua bảo hiểm hàng hoá;
- Nhận uỷ thác xuất nhập khẩu với mức phí hợp lý.

**4. Danh sách Công ty mẹ và Công ty con của Tổ chức phát hành, những Công ty mà Tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm sát hoặc cổ phần chi phối với Tổ chức phát hành**

**4.1. Danh sách Công ty mẹ và Công ty nắm quyền kiểm soát, chi phối đối với Công ty:** Không có

**4.2. Danh sách Công ty con, những Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát, chi phối:**

**Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành**

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

Lĩnh vực kinh doanh chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Vốn điều lệ thực góp: 12.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 100%

**4.3. Danh sách Công ty liên kết:**

**Công ty Cổ phần Cảng Mipec**

Địa chỉ: Bán đảo Đình Vũ, Khu KT Đình Vũ Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Tp. Hải Phòng

Lĩnh vực kinh doanh chính: hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải

Vốn điều lệ thực góp: 150.780.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 30%

**5. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty**

**Bảng 6. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty**

Thời gian	Vốn điều lệ (Đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (Đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ	Ý kiến kiểm toán về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất
2004	12.000.000.000				
2005	24.000.000.000	12.000.000.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100%	- Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2005 ngày	



				<p>05/03/2005;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103002086 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 04 năm 2003, đăng ký thay đổi năm 2005.</li> </ul>
2007 (*)	54.720.000.000	30.720.000.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hành cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 70%</li> <li>- Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2:1</li> <li>- Phát hành cho cán bộ công nhân viên có đóng góp đến sự phát triển của Công ty</li> <li>- Phát hành cho đối tác chiến lược của Công ty</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2007 ngày 26/05/2007;</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103002086 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 04 năm 2003, đăng ký thay đổi năm 2007.</li> </ul>
2015	85.852.900.000	31.132.900.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP cho cán bộ công nhân viên</li> <li>- Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 01/15 ĐHĐCĐ ngày 15/04/2015 của Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2015;</li> <li>- Văn bản của UBCKNN số 7112/UBCK-QLPH ngày 24/12/2015</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103002086 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 04 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24 tháng 04 năm 2015</li> <li>- Đợt phát hành cho cổ</li> </ul>

(\*): Tại thời điểm tháng 06/2007 khi thực hiện tăng vốn điều lệ, do chưa nắm vững các quy định của pháp luật về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán, Công ty đã không đăng ký phát hành cổ phiếu với UBCKNN và không thực hiện phân phối cổ phiếu theo đúng quy định. Tại văn bản số 01/2007/CV-Vinatrans ngày 20/12/2007 giải trình về đợt phát hành tăng vốn Điều lệ, Công ty đã thừa nhận sai phạm của mình. Đến ngày 2/5/2008, UBCKNN đã có Quyết định số 46/QĐ-TT về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Chứng khoán và Thị trường chứng khoán đối với Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải ngoại thương.

19  
CỔ  
CỔ  
ON  
GO  
VG

				<p>đồng hiện hữu theo tỷ lệ 2:1: tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu năm trong Nghị quyết ĐHCĐ 01/15 nói trên, văn bản số 072015/TB gửi UBCKNN và Sở Giao dịch Chứng khoán về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn và thủ tục niêm yết bổ sung.</p>
2017	90.114.050.000	4.261.150.000		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHCĐ số 01/2017/BB-ĐHCĐ ngày 15/04/2017</li> <li>- Văn bản UBCKNN số 349/UBCK-QLCB ngày 15/01/2018</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0101352858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 04 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 28/05/2018</li> </ul>
2018	119.490.050.000	33.637.150.000	<p>Thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu theo tỷ lệ 1:4,08</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐCĐ ngày 23/04/2018 của Đại hội Đồng cổ đông thường niên VNT năm 2018.</li> <li>- Văn bản của UBCKNN số 2320/UBCK-QLPH ngày 05/05/2016</li> <li>- Văn bản của UBCKNN số 7980/UBCK-QLCB ngày 01/11/2018 chấp thuận Báo cáo chuyển đổi</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0101352858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 04 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 30/11/2018</li> </ul>

Nguồn: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương



**❖ Cơ cấu cổ đông Công ty :**

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
<b>I</b>	<b>Trong nước</b>	<b>141</b>	<b>10.204.300</b>	<b>85,4%</b>
1	Tổ chức	10	8.682.545	72,67%
2	Cá nhân	131	1.521.755	12,73%
<b>II</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>14</b>	<b>1.744.705</b>	<b>14,6%</b>
1	Tổ chức	4	1.717.300	14,37%
2	Cá nhân	10	27.405	0,23%
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>		<b>55.400</b>	<b>0,46%</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>155</b>	<b>11.949.005</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương

**❖ Danh sách các cổ đông lớn:**

STT	Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	CTCP Vinafreight	2.961.500	24,79%
2	CTCP VNT Holdings	2.778.000	23,25%
3	Lionas Fund Co.,LTD	1.713.600	14,34%
4	CTCP Transimex	1.859.140	15,56%
5	CTCP Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	900.000	7,53%

Nguồn: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương

**6. Hoạt động Kinh doanh**
**6.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm**

Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty trong năm 2018, 2019 và 9 tháng năm 2020 như sau:

**Bảng 7. Cơ cấu Doanh thu bán hàng và cung ứng dịch vụ**

Đơn vị tính: đồng

TT	Doanh thu	Năm 2018		Năm 2019		9 tháng năm 2020	
		Giá trị	Tỷ trọng % DTT	Giá trị	Tỷ trọng % DTT	Giá trị	Tỷ trọng % DTT
1	Doanh thu cước vận chuyển	548.888.569.098	53,4%	459.804.820.661	49,29%	499.009.349.514	58,68%

Trang 33

58  
Y  
N  
N TÁ  
JNG  
HÀ

	hàng không						
2	Doanh thu cước vận chuyển đường biển	168.870.452.985	16,4%	217.985.902.442	23,37%	269.240.540.453	31,66%
3	Doanh thu dịch vụ khác	309.891.386.229	30,1%	255.006.648.777	27,34%	82.101.196.584	9,66%
<b>Tổng</b>		<b>1.027.650.408.312</b>	<b>100%</b>	<b>932.797.371.880</b>	<b>100%</b>	<b>850.351.086.551</b>	<b>100%</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2018, 2019 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất quý III/2020

**Bảng 8. Cơ cấu lợi nhuận qua các năm**

Đơn vị tính: đồng

TT	Lợi nhuận gộp	Năm 2018		Năm 2019		9 tháng năm 2020	
		Giá trị	Tỷ trọng % LNG	Giá trị	Tỷ trọng % LNG	Giá trị	Tỷ trọng % LNG
1	Lợi nhuận gộp cước vận chuyển hàng không	22.817.229.376	39,32%	17.595.303.235	34,14%	17.608.546.297	45,08%
2	Lợi nhuận gộp cước vận chuyển đường biển	21.184.690.381	36,51%	18.020.359.772	34,97%	11.752.922.334	30,09%
3	Lợi nhuận gộp dịch vụ khác	14.023.195.810	24,17%	15.919.646.125	30,89%	9.700.937.588	24,83%
<b>Tổng</b>		<b>58.025.115.567</b>	<b>100%</b>	<b>51.535.309.132</b>	<b>100%</b>	<b>39.062.406.219</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương

## 6.2 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo của Công ty: **VNT Logistics**  
The best logistic solutions

VNT sẽ cố gắng để trở thành một Công ty hàng đầu trong lĩnh vực Logistics, nâng cao chất lượng dịch vụ để đủ sức cạnh tranh với các Công ty khác cùng ngành, mở rộng thị phần sang các khu vực khác ở trong và ngoài nước, nâng cao vị thế Công ty.

## 6.3 Các hợp đồng lớn với đối tác đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Hiện nay, Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương là đối tác tin cậy với một số khách hàng như sau:



**Bảng 9. Một số Hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết**

STT	Tên khách hàng	Số hợp đồng	Loại sản phẩm cung cấp
<b>I. Hợp đồng đầu ra</b>			
1	Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển nông thôn miền núi	01.2017/VCK-VNT	Giao nhận vận chuyển xuất khẩu hàng hóa
2	Công ty Cổ phần ACBM Việt Nam	VNT/TP/FCL/250	Giao nhận vận chuyển hàng hóa
3	Công ty TNHH Giao nhận quốc tế ABK ViNa	2002/VNT-ABK	Vận chuyển hàng hóa
4	Công ty TNHH Hanjin Global Logistics Việt Nam	201614/HGLV-VNT	Vận chuyển hàng hóa
5	Công ty TNHH Logistics Foco Toàn Cầu	VNTFOCO	Vận chuyển hàng hóa
<b>II. Hợp đồng đầu vào</b>			
1	Tổng Công ty hàng không Việt Nam – Công ty Cổ phần	11-20HHQ/VNA/VNT	Vận chuyển hàng hóa
2	Công ty TNHH TM Vận tải Xuyên Đại Thắng	15682019/VNT-XDT	Vận chuyển hàng hóa nội địa
3	Văn phòng bán vé hãng hàng không Korean Air tại Tp. Hà Nội	HANSU/2013-36	Vận chuyển hàng hóa
4	Văn phòng bán vé hãng hàng không Cathay Pacific Airway LTD	CX-VNT/2019	Vận chuyển hàng hóa
5	Văn phòng bán vé Qatar Airway Group	QTR-CNT-2019-0425	Vận chuyển hàng hóa

*Nguồn: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương*

**7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất**

**Bảng 10. Kết quả kinh doanh năm 2018, 2019 và 9 tháng năm 2020**

*Đơn vị tính: đồng*

T T	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm năm 2019 so với 2018	9 tháng năm 2020
1	Tổng giá trị tài sản	573.796.474.154	557.091.232.314	-2,91%	588.995.960.451
2	Doanh thu thuần	1.027.650.408.312	932.797.371.880	-9,23%	316.530.089.911
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	9.772.842.253	11.363.201.016	16,27%	131.543.820
4	Lợi nhuận khác	367.564.737	(748.235.436)	-303,57%	23.078.780
5	Lợi nhuận trước thuế	10.140.406.990	10.614.965.580	4,68%	154.622.600
6	Lợi nhuận sau thuế	8.226.267.940	4.105.672.945	-50,09%	207.210.392
7	Cổ tức đã chia	14.272.326.000	14.272.326.000	100%	-
8	Tỷ lệ lợi nhuận chia hoặc trả cổ tức (=Cổ tức đã chia/ Lợi nhuận sau thuế)	173,5%	347,62%	174,12%	-

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2018, 2019 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất quý

III/2020

#### ❖ Triển vọng phát triển ngành

Giống như hầu hết các ngành công nghiệp và dịch vụ khác, sự phát triển của ngành logistics có mối quan hệ chặt chẽ với sự phát triển chung của nền kinh tế. Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam có sự tăng trưởng tương đối ổn định cùng với sự mở rộng và phát triển đa dạng các ngành nghề, thu nhập của người dân cũng đang được cải thiện và nâng cao đáng kể. Sự gia tăng trong các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như hoạt động trong đời sống hàng ngày tạo ra nhiều cơ hội phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh cho ngành kinh doanh dịch vụ vận tải, logistics. Hơn nữa, việc Việt Nam tham gia ngày càng nhiều các Hiệp định thương mại với các đối tác nước ngoài đặc biệt là hiệp định EVFTA mới được ký kết gần đây sẽ mở ra cơ hội hàng hóa các nước khác tiếp cận Việt Nam và ngược lại, điều này sẽ mở ra một cơ hội

Trang 36



hết sức tiềm năng cho ngành vận tải, logistics, các Công ty trong ngành phải cố gắng đổi mới, mở rộng thị trường hoạt động bắt kịp xu hướng phát triển của nền kinh tế.

❖ **Vị thế của Công ty trong ngành**

Với hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành vận tải, logistics, CTCP Giao nhận Vận tải ngoại thương tự hào là một trong những doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hàng đầu trong ngành với đội ngũ kỹ sư, công nhân viên lành nghề được đào tạo bài bản kết hợp cùng những trang thiết bị công nghệ hiện đại chuyên dụng. Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, marketing nhằm thu hút các khách hàng mới, mở rộng thị phần đồng thời có những chính sách đào tạo lao động phù hợp với tình hình thực tế thị trường cũng như ngân sách Công ty. Qua đó tiếp tục khẳng định uy tín, vị thế vững chắc trên thị trường.

❖ **Chính sách đối với người lao động**

Xác định nguồn nhân lực là nền tảng cho sự phát triển, VNT đã xây dựng và phát triển các chính sách ưu đãi hợp lý với người lao động, phân rõ từng chính sách cho từng loại đối tượng lao động và đạt được sự đồng thuận cao từ cán bộ công nhân viên trong Công ty, cam kết sẽ dốc hết tâm huyết cùng đóng góp cho sự tăng trưởng chung của toàn Công ty.

+ **Số lượng lao động theo từng loại**

Tính đến thời điểm 30/09/2020, số lượng nhân sự trong toàn Công ty là 387 nhân viên.

**Bảng 11. Cơ cấu lao động Công ty**

STT	Trình độ	VNT	HNT	VNT	HNT	HNT	Tổng số lượng	Tỷ lệ (%)
		Hà Nội	Hà Nội	Hải Phòng	Hải Phòng	Sài Gòn		
1	Trên Đại học	8	2	2	0	0	12	3%
2	Đại học, Cao đẳng	116	31	44	93	11	295	76%
3	Trung cấp, sơ cấp	22	2	40	13	5	82	21%
<b>Tổng số</b>		<b>146</b>	<b>35</b>	<b>86</b>	<b>106</b>	<b>16</b>	<b>389</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương



+ *Chế độ làm việc:*

- Công ty thực hiện chế độ làm việc 5,5 ngày/tuần với 8 giờ/ngày. Công ty và nhân viên có thể thỏa thuận về việc làm thêm giờ và số giờ làm thêm này sẽ tính cho người lao động từ 150% đến 300% lương làm việc thông thường.
- Đối với nhân viên làm việc theo chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ, Công ty sẽ giảm 1 giờ làm việc/ngày cho các nhân viên đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng. Trong thời gian nghỉ thai sản, nhân viên vẫn được nhận lương theo các quy định của bảo hiểm xã hội.
- Nhân viên làm đủ 12 tháng sẽ được nghỉ phép 12 ngày/năm và cứ mỗi 2 năm làm việc, nhân viên sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.

+ *Chính sách tuyển dụng và đào tạo:*

- VNT luôn chú trọng xây dựng đội ngũ lao động thông qua các biện pháp thiết thực có hiệu quả. Việc tuyển dụng được thực hiện thông qua các bài thi tuyển đầu vào do Công ty tổ chức, ứng viên phù hợp với công việc sẽ được Công ty tuyển chọn thành nhân viên chính thức.
- Công ty luôn chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ kỹ năng tốt, vì vậy VNT thường xuyên cử cán bộ nhân viên tham gia khóa học đào tạo của các tổ chức giao nhận IATA, FIATA,...các lớp học về quản trị, khóa học quản lý của các trường, viện kinh tế, Công ty cũng thuê giảng viên tại các trường Đại học hàng đầu Việt Nam về giảng dạy nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên Công ty. Nhân viên mới tuyển dụng vào sẽ được tập huấn, đào tạo bài bản theo lộ trình do các Trường/Phó phòng các phòng nghiệp vụ có trình độ chuyên môn cao và có kinh nghiệm qua thời gian gắn bó lâu dài với Công ty.

+ *Chính sách lương thưởng, phúc lợi:*

- Trong các năm qua, Công ty đã có chính sách phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP cho cán bộ công nhân viên chủ chốt của Công ty nhằm gắn lợi ích của nhân viên với lợi ích của Công ty, giữ chân và thúc đẩy những cán bộ nhân viên có năng lực cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty, tạo thêm quyền lợi khác cho nhân viên ngoài tiền lương và thưởng, chế độ đãi ngộ xứng đáng cho nhân viên để thu hút nhân tài và tạo cạnh tranh so với thị trường.
- Để đảm bảo thu nhập cho nhân viên Công ty, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đặc biệt chú trọng đến vấn đề tăng đều đặn doanh thu hàng năm, cắt



giảm những chi phí không cần thiết. Hiện tại, VNT đã triển khai áp dụng cơ chế khoán lương theo kết quả kinh doanh, trong đó có nhiều yếu tố khuyến khích đãi ngộ đối với đội ngũ nhân viên cốt cán, có năng lực và đã có những cống hiến đáng kể cho hoạt động kinh doanh của Công ty, trực tiếp tạo nên thu nhập cho Công ty, nâng cao chế độ trách nhiệm cụ thể của mọi chức danh, nhất là đội ngũ nhân viên, chuyên viên nghiệp vụ.

- Năm 2019 Công ty đã vượt qua các khó khăn trong việc tập trung vào vốn đầu tư, vẫn đảm bảo các lợi ích vật chất và tinh thần cho nhân viên trong Công ty.

## 8. Chính sách chia lợi nhuận hoặc cổ tức

**Bảng 12. Cổ tức giai đoạn 2017 - 2020**

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Hình thức thanh toán	Tình trạng thanh toán
2017	15%	Bằng tiền mặt	Đã thanh toán
2018	12%	Bằng tiền mặt	Đã thanh toán
2019	12%	Bằng tiền mặt	Đã thanh toán
2020 (dự kiến)	12%	Bằng tiền mặt và cổ phiếu	Dự kiến

Nguồn: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương

## 9. Tình hình tài chính

### 9.1 Các chỉ tiêu cơ bản

#### ❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty thanh toán đúng và đầy đủ các khoản nợ đến hạn, không có nợ quá hạn tính đến thời điểm 31/12/2019 và thời điểm lập Bản cáo bạch này.

#### ❖ Các khoản phải nộp theo luật định:

**Bảng 13. Các loại thuế phải nộp**

Đơn vị tính: đồng

Thuế	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	880.544.398	857.554.384	2.617.555.434
Thuế thu nhập doanh nghiệp	931.311.906	2.466.811.475	685.312.306

Thuế thu nhập cá nhân	586.958.008	812.594.618	482.821.921
Các loại thuế khác	956.574.011	1.011.957.854	979.873.564
<b>Tổng</b>	<b>3.355.388.323</b>	<b>5.148.918.331</b>	<b>4.765.563.225</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2018, 2019 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất quý

III/2020

❖ **Tổng dư nợ vay**

**Bảng 14. Nợ quá hạn của Công ty**

Đơn vị tính: đồng

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân dẫn đến nợ quá hạn
<b>1. Tại ngày 31/12/2018</b>				
Công ty TNHH MTV Chế tạo Thiết bị và Đóng tàu Hải Phòng	1.115.620.730	-	Trên 3 năm	Đối tác mất khả năng thanh toán
CTCP Giao nhận DMG Hà Nội	1.076.916.344	-	Trên 3 năm	Đối tác mất khả năng thanh toán
Các khách hàng khác	1.921.489.525	397.621.192	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	
<b>Cộng</b>	<b>4.114.026.599</b>	<b>397.621.192</b>		
<b>2. Tại ngày 31/12/2019</b>				
Công ty TNHH MTV Chế tạo Thiết bị và Đóng tàu Hải Phòng	1.115.620.730	-	Trên 3 năm	Đối tác mất khả năng thanh toán

Trang 40





CTCP Giao nhận DMG Hà Nội	1.076.916.344	-	Trên 3 năm	Đối tác mất khả năng thanh toán
Các khách hàng khác	2.122.476.483	521.439.129	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	
<b>Cộng</b>	<b>4.315.013.557</b>	<b>521.439.129</b>		
<b>3. Tại ngày 30/09/2020</b>				
Công ty TNHH MTV Chế tạo Thiết bị và Đóng tàu Hải Phòng	1.115.620.730	-	Trên 3 năm	Đối tác mất khả năng thanh toán
CTCP Giao nhận DMG Hà Nội	1.076.916.344	-	Trên 3 năm	Đối tác mất khả năng thanh toán
Các khách hàng khác	3.388.570.818	1.214.374.432	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	
<b>Cộng</b>	<b>5.581.107.892</b>	<b>1.214.374.432</b>		

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2018, 2019 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất quý

III/2020

❖ **Tình hình công nợ hiện nay**

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

• **Tổng nợ phải thu**

**Bảng 15. Các khoản nợ phải thu**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Phải thu ngắn hạn	225.984.838.080	197.602.796.718	235.122.697.128
Phải thu từ khách hàng	152.351.000.029	162.126.757.322	203.914.288.299

Trang 41

3135  
 ỜNG  
 Ờ PH  
 NHẬN  
 ẠI TH  
 ĐA-

Trả trước cho người bán	11.952.990.955	7.685.943.851	9.823.475.778
Phải thu ngắn hạn khác	65.397.252.503	31.583.669.973	25.751.666.510
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.716.405.407)	(3.793.574.428)	(4.366.733.459)

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2018, 2019 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất quý III/2020

- **Tổng nợ phải trả**

**Bảng 16. Các khoản nợ phải trả**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>352.225.826.827</b>	<b>343.598.653.642</b>	<b>388.106.953.220</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	124.119.683.451	138.721.909.117	152.052.540.902
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.793.553.371	948.490.073	1.440.957.497
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.355.388.323	5.148.918.331	5.096.106.315
Phải trả người lao động	900.000.000	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	466.284.489	893.912.213	58.113.171
Phải trả ngắn hạn khác	8.162.522.541	8.270.103.833	5.241.266.685
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	213.428.394.652	189.612.237.808	224.214.886.383
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	3.082.267	3.082.267
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>2.405.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
Phải trả dài hạn khác	-	2.405.000.000	2.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>352.225.826.827</b>	<b>346.003.653.642</b>	<b>390.106.953.220</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2018, 2019 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất quý III/2020



## 9.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 17. Một số chỉ tiêu tài chính**

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ NH)	Lần	1,01	0,99
- Hệ số thanh toán nhanh ((TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ NH)	Lần	1,01	0,99
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	61	62
- Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	159	164
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	Lần	-	-
- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Lần	1,79	1,67
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	%	0,8	0,44
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	5	0,8	0,44
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	3,71	1,95
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	1,43	0,74
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động Kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	0,95	1,22
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động Kinh doanh/ Tổng tài sản	%	1,7	2,04
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	692	345

Nguồn: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương

## 10. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

### 10.1 Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

**Bảng 18. Danh sách thành viên HĐQT của Công ty**

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Trần Công Thành	Thành viên HĐQT
3	Ông Vũ Thế Đức	Thành viên HĐQT
4	Ông Trương Minh Long	Thành viên HĐQT
5	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên HĐQT
6	Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên HĐQT
7	Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên HĐQT

Nguồn: Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương

**a. Ông Nguyễn Xuân Giang – Chủ tịch HĐQT**

- Họ và tên:	Nguyễn Xuân Giang
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	16/02/1969
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	030837312 cấp ngày 22/03/2013 – CA Hải Phòng
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	19C 19 TT Thủy Tinh, Cầu Tre, Ngô Quyền, Hải Phòng
- Trình độ văn hóa:	Kỹ sư điều khiển tàu biển
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân
- Quá trình công tác:	
04/1999 – 04/2003	Phó Giám đốc chi nhánh Vinatrans Hải Phòng
05/2003 – 12/2007	Giám đốc chi nhánh CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại thương tại Hải Phòng
04/2009 – 05/2013	Giám đốc chi nhánh Hải Phòng kiêm Phó Tổng giám đốc và Thành viên HĐQT Công ty CP Giao nhận Vận tải Ngoại thương
05/2013 – 23/04/2018	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại thương



23/04/2018 – Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Giao nhận Vận tải Ngoại thương
2018 - Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần VNT Holdings
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cảng Mipec Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần VNT Holdings
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	192.542 cổ phần tương đương 1,62% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu	192.542 cổ phần tương đương 1,62% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác	1.389.000 cổ phần của Công ty Cổ phần VNT Holdings tương đương 11,68% VDL
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

**b. Ông Trần Công Thành – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc**

- Họ và tên:	Trần Công Thành
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	24/01/1976
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	012564126 cấp ngày 19/07/2012 – CA Hà Nội
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Số 8 Ngõ 165 Chùa Bộc, Đống Đa, Hà Nội

- Trình độ văn hóa:	12/12
-Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính – Kế toán
- Quá trình công tác:	
1996 – 2003	Kế toán trưởng Chi nhánh Vinatrans Hà Nội
2003 – 2008	Kế toán trưởng CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại thương
2008 – 05/2013	Phó Tổng giám đốc CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại thương
05/2013 – 23/04/2018	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại thương
23/04/2018 – Nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại thương
2018 - Nay	Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần VNT Holdings
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần VNT Holdings
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	102.271 cổ phần tương đương 0,86% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu	102.271 cổ phần tương đương 0,86% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác	1.389.000 cổ phần của Công ty Cổ phần VNT Holdings tương đương 11,68% VDL
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không



**c. Ông Vũ Thế Đức – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên:	Vũ Thế Đức
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	09/03/1957
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	022079728 cấp ngày 28/03/2011 – CA Tp. Hồ Chí Minh
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	102C Nguyễn Văn Cừ, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa:	Kỹ sư địa chất dầu khí
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân ngoại thương
- Quá trình công tác:	
1983 – 1987	Nhân viên công tác tại Viện Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội
1987 – Nay	Giám đốc Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương Tp. Hồ Chí Minh (Vinatrans)
01/2009 – Nay	Tổng giám đốc Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương – Vinatrans
04/2009 – 05/2013	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Giao nhận Kho vận Ngoại thương
05/2013 – Nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Giao nhận Kho vận Ngoại thương
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	6.450 cổ phần tương đương 0,05% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu	6.450 cổ phần tương đương 0,05% VDL

- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

**d. Ông Trương Minh Long – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên:	Trương Minh Long
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	10/08/1969
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	022248613 cấp ngày 02/06/2006 – CA Tp. Hồ Chí Minh
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	407/10 Lê Văn Sỹ, Phường 12, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:	
Từ năm 1993 – Nay	Công ty Cổ phần giao nhận vận tải Ngoại Thương
Từ trước đến 2009	Làm việc tại Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam
2009 – 2014	Phó Tổng giám đốc CTCP Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam
2015 – Nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam





- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT Công ty CP GNVN Ngoại thương VNT
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	+ Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Logistics Vinalink + Thành viên HĐQT Công ty Vinatrans Danang + Thành viên HĐQT Công ty Vinafreight
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	0 cổ phần tương đương 0% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu	900.000 cổ phần tương đương 7,53% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác	900.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam tương đương 7,57% VDL
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

**e. Ông Bùi Tuấn Ngọc – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên:	Bùi Tuấn Ngọc
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	21/02/1965
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	001065013640 cấp ngày 15/06/2018 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Số 6 Đặng Tất, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

- Trình độ văn hóa:	12/12
-Trình độ chuyên môn:	Cử nhân ngoại thương/ Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:	
1988 – 1992	Cán bộ xí nghiệp XDCB SEAPRODEX – Bộ Thủy sản
1992 – 1993	Cán bộ tại Liên hiệp DVSXTM Tp. Hồ Chí Minh
1993 – 1994	Cán bộ tại Trung tâm TM LD Việt – Xô Tp. Hồ Chí Minh (ROSVIETIMPEX)
1994 – 1996	Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải (Tp. HCM)
1994 – 01/2008	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải (Tp. HCM)
05/2007 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư ViNa
04/2008 – Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Transimex
2009 – Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Toàn Việt
05/2012 – Nay	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vinafreight
04/2014 – 2017	Thành viên HĐQT Công ty CP XNK Khánh Hội
2013 – 8/2019	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải và xếp dỡ Hải An
07/2016 – Nay	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn
2006 - Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần VINAPRINT
05/12/2018 - Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
06/2020 - Nay	Phó chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thương mại Phú Nhuận
24/04/2017 - Nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn (HOTRACO)
2005 - Nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy Đặc sản (SEASPIMEX)
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT



<p>- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Vina (Cam kết từ nhiệm trong năm 2020)</li> <li>+ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt (Cam kết từ nhiệm trong năm 2020)</li> <li>+ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Transimex</li> <li>+ Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vinafreight (Cam kết từ nhiệm tại ĐHĐCĐ gần nhất)</li> <li>+ Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)</li> <li>+ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần VINAPRINT (Cam kết từ nhiệm tại ĐHĐCĐ gần nhất)</li> <li>+ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn</li> <li>+ Phó chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thương mại Phú Nhuận</li> <li>+ Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn (HOTRACO)</li> <li>+ Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy Đặc sản (SEASPIMEX)</li> </ul> <p>Đồng thời, Ông Bùi Tuấn Ngọc cam kết từ nhiệm Thành viên HĐQT của VNT tại ĐHĐCĐ gần nhất. Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải ngoại thương sẽ tiến hành miễn nhiệm và bổ bổ sung thành viên HĐQT theo đúng quy định để đảm bảo các quy định về quản trị công ty đại chúng.</p>
<p>- Số cổ phần cá nhân nắm giữ</p>	<p>0 cổ phần tương đương 0% VDL</p>
<p>- Số cổ phần đại diện sở hữu</p>	<p>0 cổ phần tương đương 0% VDL</p>
<p>- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu</p>	<p>Không</p>
<p>- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác</p>	<p>+ CTCP Transimex: 1.859.140 cổ phần tương đương 15,63% VDL</p>

	+ CTCP Vinafreight: 2.961.500 cổ phần tương đương 24,9% VDL
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

**f. Ông Lê Duy Hiệp – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên:	Lê Duy Hiệp
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	5/12/1963
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	072063002244 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 21/06/2019.
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	40/6 Huỳnh Đình Hai, Phường 14 Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:	
1981 – 1985	Đi bộ đội tại Trường Hậu Cần QK7 và Trung đoàn Gia Định
1986 – 1990	Học Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh
1990 – 1998	Công tác tại Công ty Cung ứng tàu biển Tp. HCM (Saigon Shipchanco) qua các chức vụ Phó phòng cung ứng tàu biển, Trưởng phòng KD-XNK, Trưởng phòng Đại lý tàu biển
1998 – 2004	Phó Giám đốc Công ty CP Hàng hải MACS
2004 – 04/2009	Giám đốc điều hành – Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hàng hải MACS



03/2009 – 08/2011	Thành viên HĐQT Công ty CP Transimex
05/2009 – Nay	CTCP Dịch vụ hàng hải (Mac Shipping) Tổng giám đốc Công ty CP Transimex
09/2011 – Nay	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Transimex
05/2012 – Nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Vinafreight
2013 – 2018	Thành viên HĐQT Công ty CP Vận tải và xếp dỡ Hải An
07/2016 – Nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	+ CTCP Dịch vụ hàng hải (Mac Shipping): Chủ tịch HĐQT + CTCP Transimex: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc + CTCP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex): Thành viên HĐQT + CTCP Vinafreight: Thành viên HĐQT
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	0 cổ phần tương đương 0% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần tương đương 0% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác	+ CTCP Transimex: 1.859.140 cổ phần tương đương 15,63 % VDL + CTCP Vinafreight: 2.961.500 cổ phần tương đương 24,9% VDL
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

**g. Ông Nguyễn Bích Lâm – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên:	Nguyễn Bích Lâm
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	10/04/1960
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	021879061 cấp ngày 14/07/2014 – CA Tp. Hồ Chí Minh
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	285/T8/B2 Cách mạng Tháng 8, Phường 12, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân ngoại thương
- Quá trình công tác:	
2001 – 29/08/2013	Thành viên HĐQT Công ty CP Vận tải Ngoại thương
1988 – 2001	Công tác tại Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương Tp. Hồ Chí Minh
26/04/2012 – 31/07/2020	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Vinafreight
20/04/2018 – nay	Thành viên HĐQT CTCP Transimex
01/08/2020 – nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Vinafreight
04/2018 – Nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Giao nhận Vận tải Ngoại thương
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	+ CTCP Vinafreight: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc + CTCP Transimex: Thành viên HĐQT
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	66.000 cổ phần tương đương 0,55% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu	66.000 cổ phần tương đương 0,55% VDL
- Những người có liên quan	Không



nắm giữ cùng cổ phiếu	
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác	+ CTCP Vinafreight: 2.961.500 cổ phần tương đương 24,90% VDL + CTCP Transimex: 1.708.740 cổ phần tương đương 14,37% VDL
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

## 10.2 Ban Tổng giám đốc

**Bảng 19. Danh sách thành viên Ban Tổng giám đốc**

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Trần Công Thành	Tổng Giám đốc
2	Ông Lê Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Tăng Anh Quốc	Phó Tổng Giám đốc
4.	Ông Ngô Trọng Bắc	Phó Tổng Giám đốc

**a. Ông Trần Công Thành – Tổng giám đốc (Lý lịch như đã nêu trên)**

**b. Ông Lê Đại Thắng – Phó Tổng giám đốc**

- Họ và tên:	Lê Đại Thắng
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	01/06/1973
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	030891547 cấp ngày 24/08/2009 – CA Hải Phòng
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Số 328, Lô 22, Lê Hồng Phong Phường Đông Khê, Hải Phòng

- Trình độ văn hóa:	12/12
-Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điều khiển tàu biển
- Quá trình công tác:	
01/01/1995 – 15/07/1999	Cán bộ phòng Vận tải quốc tế Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương Hải Phòng
16/07/1999	Nhân viên tại VNT Hải Phòng
01/04/2008	Phó giám đốc chi nhánh kiêm trưởng phòng RCL
23/04/2018 – nay	Phó Tổng giám đốc CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại thương kiêm Giám đốc chi nhánh VNT Hải Phòng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	35.825 cổ phần tương đương 0,3% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu	35.825 cổ phần tương đương 0,3% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Bà Đặng Thị Mai Hương nắm giữ 65.278 cổ phần tương đương 0,55% VDL
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác	Không
-Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

**c. Ông Tăng Anh Quốc - Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên:	Tăng Anh Quốc
--------------	---------------



- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	15/07/1980
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	013266709 cấp ngày 21/04/2010 tại Hà Nội
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Nhà A9 KTT Nhà máy Cơ khí Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
- Trình độ văn hóa:	Cử Nhân Kinh tế Đối Ngoại
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân
- Quá trình công tác:	
Từ 1998 – 2003	Sinh viên Trường Đại học Ngoại Thương - Hà Nội
Từ 07/2003 – 02/2007	Nhân viên Công ty VNT Logistics
Từ 03/2007 – 05/2008	Phó Trưởng phòng Đường biển nhập – Hanotrans
Từ 06/2008 – 07/2008	Trưởng phòng Đường biển nhập – Hanotrans
Từ 08/2008 – 02/2009	Phó Giám đốc Hanotrans
Từ 03/2009 – 05/2019	Giám đốc Hanotrans.
Từ 06/2019 – 06/2020	Giám đốc Hanotrans kiêm Giám đốc chi nhánh VNT tại Tp. Hồ Chí Minh
Từ 07/2020 – Nay	Phó Tổng giám đốc VNT Logistics kiêm Giám đốc Hanotrans kiêm Giám đốc chi nhánh VNT tại Tp. Hồ Chí Minh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Phó Tổng giám đốc VNT Logistics
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	Không
- Số cổ phần đại diện sở hữu	Không
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

#### d. Ông Ngô Trọng Bắc - Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên:	Ngô Trọng Bắc
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	03/03/1981
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	013218291 cấp ngày 01/10/2012 tại Hà Nội
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Số 153 Đê Tô Hoàng, Phường Cầu Dền, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
- Trình độ văn hóa:	Cử nhân Kinh tế
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân
- Quá trình công tác:	
Từ năm 1999 đến năm 2003	Sinh viên Trường Đại học Kinh Tế Quốc Dân
Từ năm 2003 đến năm 2005	Công ty TNHH Xúc tiến Đầu tư InvesPro
Từ năm 2005 đến năm 2010	Sale Executive/Air-export Dept/ Vinatrans Ha Noi
Từ năm 2010 đến năm 2012	Air-Export Manager/ Hanotrans
Từ năm 2012 đến năm 2020	Air-Export Manager/ VNTlogistics
Từ 07/2020 – Nay	Phó Tổng giám đốc VNTlogistics
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Phó Tổng giám đốc Công ty VNT Logistics



- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	Không
- Số cổ phần đại diện sở hữu	Không
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

### 10.3 Ban kiểm soát

**Bảng 20. Danh sách thành viên Ban kiểm soát**

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Thái Văn Toàn	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Vũ Thị Bình Nguyên	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Nguyễn Quốc Thiên Kim	Thành viên Ban Kiểm soát

**a. Ông Thái Văn Toàn – Trưởng Ban kiểm soát**

- Họ và tên:	Thái Văn Toàn
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	13/12/1985
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	040085000679 cấp ngày 30/11/2017 – Cục cảnh sát ĐKQL
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	P14.07, tòa 27A1, CT2, KĐT TPGL, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Kiểm toán viên
- Quá trình công tác:	
09/2007 – 07/2008	Trợ lý Kiểm toán viên – Công ty TNHH Dịch vụ kiểm toán, kế toán và tư vấn thuế AAT
07/2008 – 05/2009	Trợ lý Kiểm toán viên – Công ty TNHH Kiểm toán APEC
05/2009 – 12/2019	Kiểm toán viên, Phó giám đốc phụ trách kiểm toán Báo cáo tài chính – Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn ASEAN
Tháng 07/2020 – Nay	Trưởng Ban kiểm soát CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại thương
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	0 cổ phần tương đương 0% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần tương đương 0% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không



**b. Bà Vũ Thị Bình Nguyên – Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên:	Vũ Thị Bình Nguyên
- Giới tính:	Nữ
- Ngày sinh:	27/05/1981
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	025826926 cấp ngày 16/12/2013 – CA Tp. Hồ Chí Minh
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	B26/15 ấp 2, Xã Hưng Long, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:	
10/2003 – 04/2009	Chuyên viên kế toán Công ty VINATRANS
04/2009 – 03/2010	Chuyên viên kế toán Công ty VINATRANS, Thành viên BKS Công ty VINALINK
03/2010 – 03/2012	Trưởng BKS Công ty VINATRANS, Thành viên BKS Công ty VINALINK
03/2012 – 04/2014	Thành viên BKS Công ty VINATRANS, VINALINK
01/2014 – 04/2015	Phó phòng kế toán Công ty VINATRANS, Trưởng BKS Công ty VINALINK
04/2015 – 04/2018	Trưởng BKS Công ty VINATRANS, Trưởng BKS Công ty VINALINK
04/2018 – 04/2019	Trưởng BKS Công ty VINATRANS, Trưởng BKS Công ty VINALINK, Thành viên BKS Công ty VNT Logistics
04/2019 – Nay	Trưởng BKS VINATRANS, Thành viên BKS Công ty CP giao nhận vận tải Ngoại Thương
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	+ Trưởng Ban kiểm soát CTCP Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam

	+ Trưởng Ban kiểm soát CTCP Logistics Vinalink
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	0 cổ phần tương đương 0% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần tương đương 0% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

**c. Bà Nguyễn Quốc Thiên Kim – Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên:	Nguyễn Quốc Thiên Kim
- Giới tính:	Nữ
- Ngày sinh:	04/03/1985
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	024086012 cấp ngày 24/05/2010 – CA Tp. Hồ Chí Minh
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	376/87 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:	



16/01/2018 – Nay	Chuyên viên kiểm soát nội bộ CTCP Transimex
17/02/2014 – 15/01/2018	Chuyên viên Tư vấn – Kiểm soát nội bộ - Ban Tư vấn và kiểm soát nội bộ CTCP Ô tô Trường Hải (THACO)
01/07/2008 – 15/02/2014	Trợ lý kiểm toán – Phòng kiểm toán Doanh nghiệp 1 Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp. Hồ Chí Minh (AISC)
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	0 cổ phần tương đương 0% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần tương đương 0% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

#### 10.4 Kế toán trưởng

##### Bà Đỗ Thị Thu Hiền – Kế toán trưởng

- Họ và tên:	Đỗ Thị Thu Hiền
- Giới tính:	Nữ

- Ngày sinh:	11/03/1977
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	012873719 cấp ngày 09/10/2007 – CA Tp. Hà Nội
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Số 80 Hàng Gai, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:	
2000 – 2002	Chi nhánh CTCP Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam tại Hà Nội
2003 – 2007	Làm việc tại Phòng Kế toán CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại thương
2008 – Nay	Kế toán trưởng CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại thương
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	15.764 cổ phần tương đương 0,13% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu	15.764 cổ phần tương đương 0,13% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không





- Hành vi vi phạm pháp luật	Không
-----------------------------	-------

**11. Tài sản Công ty**

**Bảng 21a. Giá trị tài sản Công ty tại ngày 30/09/2020**

Đơn vị tính: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	106.437.838,672	67.287.170,323	39.150.668,349
Nhà cửa, vật kiến trúc	52.386.197,589	19.376.748,128	33.009.449,461
Máy móc, thiết bị	10.771.653,190	7.224.601,354	3.547.051,836
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	41.486.066,440	39.079,024,908	2.407,041,532
Thiết bị, dụng cụ quản lý	994.551,453	807.425,933	187.125,520
Tài sản cố định khác	799.370,000	799.370,000	-
Tài sản cố định vô hình	3.644.588,786	2.474.395,657	1.170.193,129
Quyền sử dụng đất	2.642.410,677	1.569,959,292	1.072.451,385
Phần mềm máy tính	1.002.178,109	904.436,365	97.741,744
Tài sản cố định vô hình khác	-	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất quý III/2020 Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại Thương

**Bảng 21b. Giá trị tài sản Công ty tại ngày 31/12/2019**

Đơn vị tính: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	107.120.724,381	63.014,656,097	44.106,068,284
Nhà cửa, vật kiến trúc	52.386,197,589	17.172,966,042	35,213,231,547
Máy móc, thiết bị	10.763,708,915	6,459,071,144	4,304,637,771

CÔNG TY CỔ PHẦN  
 NHẬN VẬN TẢI  
 013

<b>a. Chứng khoán kinh doanh</b>			
	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
Cổ phiếu CTCP Logistics Vinalink	6.900.000.000	6.900.000.000	6.900.000.000
Cổ phiếu CTCP Vinafreight	4.375.000.000	4.375.000.000	4.375.000.000
<b>b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>			
Tiền gửi có kỳ hạn	45.000.000.000	52.594.016.701	58.246.220.744

Đơn vị tính: đồng

**Bảng 23. Các khoản đầu tư tài chính**

III/2020

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2018, 2019 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất quý

	31/12/2018	31/12/2019	30/09/2020
	147.239.000	147.239.000	147.239.000

Đơn vị tính: đồng

**Bảng 22. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019

Phương tiện vận tải, truyền dẫn	42.136.01.605	37.713.601.182	4.423.100.423
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.034.746.272	869.647.729	165.098.543
Tài sản cố định khác	799.370.000	799.370.000	-
Tài sản cố định vô hình	3.644.588.786	2.384.017.264	1.260.571.522
Quyền sử dụng đất	2.642.410.677	1.557.722.109	1.084.688.568
Phần mềm máy tính	1.002.178.109	826.295.155	175.882.954
Tài sản cố định vô hình khác	-	-	-



Trái phiếu	700.000.000	700.000.000	700.000.000
<b>c. Đầu tư vào Công ty liên kết và các đơn vị khác</b>			
CTCP Cảng Mipec	150.780.000.000	150.780.000.000	150.780.000.000
Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam	2.260.000.000	2.260.000.000	2.260.000.000
CTCP Dịch vụ Logistics Thăng Long	11.778.200.000	16.778.200.000	16.778.200.000

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2018, 2019 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất quý

III/2020

### 12. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tới

Ngoài đợt chào bán trái phiếu theo Bản cáo bạch này, hiện nay CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT) chưa có kế hoạch chào bán tiếp trái phiếu trong 03 năm tiếp theo. Nếu Công ty có kế hoạch chào bán sẽ tổ chức Đại hội đồng cổ đông (thường niên hoặc bất thường) để Đại hội đồng cổ đông phê duyệt thông qua và sẽ được thông báo rộng rãi đến các quý cổ đông, đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định pháp luật.

### 13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

**Bảng 24. Kế hoạch kinh doanh năm 2020**

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2019	% so với thực hiện năm 2019
1	Doanh thu thuần	700	932,797	75,04%
2	Lợi nhuận trước thuế	8	10,614	75,37%
3	Lợi nhuận sau thuế (*)	-	-	-
3	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	-	-	-
4	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	-	-	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 CTCP Giao nhận Vận tải Ngoại thương

(\*) VNT không lập kế hoạch lợi nhuận sau thuế hàng năm do chịu điều chỉnh của Nghị định 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của chính phủ về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết và Nghị định 68/2020/NĐ-CP ngày 24/06/2020 sửa

*đổi và bổ sung khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.*

❖ **Căn cứ để đạt được kế hoạch kinh doanh năm 2020:**

Để thực hiện được kế hoạch kinh doanh đề ra, Công ty sẽ thực hiện các công việc sau:

**a) Đầu tư xây dựng hạ tầng quản trị:**

- Thực hiện cải tiến, nâng cấp hệ thống quản lý chất lượng;
- Hướng dẫn và kiểm tra đánh giá các chi nhánh về việc thực hiện hệ thống theo đúng quy trình, quy định của Công ty;
- Thường xuyên có kế hoạch kiểm tra và sửa chữa bảo dưỡng, mua mới trang thiết bị nhằm đảm bảo hệ thống máy móc, phương tiện phục vụ kinh doanh vận tải hoạt động ổn định và đúng quy trình;
- Xây dựng các chính sách tiền lương, thưởng phù hợp để đảm bảo công bằng đối với các đơn vị trực thuộc đồng thời đánh giá đúng năng lực, kết quả làm việc của cán bộ công nhân viên trong Công ty;
- Giữ vững mạng lưới khách hàng hiện có, tìm kiếm mở rộng thêm các khách hàng tiềm năng, tập trung hơn vào một số khách hàng lớn. Tăng cường hơn nữa mối quan hệ tốt đẹp hiện có với các nhà cung cấp như các hãng hàng không, hãng tàu, các nhà thầu phụ nhằm có chỗ và giá tốt để phục vụ khách hàng một cách tốt nhất.

**b) Công tác phân cấp và tổ chức bộ máy**

- Ban điều hành dựa theo tình hình thị trường và tình hình thực tế của Công ty để đưa ra những chính sách, đường lối đúng đắn chỉ đạo cho các đơn vị trực thuộc thực hiện theo, phân rõ theo từng chức năng, đối tượng nhằm đạt được sự hiệu quả cao nhất trong hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Nâng cao vị thế và uy tín của Công ty trên thị trường;
- VNT thực hiện xây dựng văn hóa doanh nghiệp với phương châm lấy con người làm trung tâm với sự chia sẻ, đoàn kết và giúp đỡ nhau trong cộng đồng VNT nói riêng và các hoạt động cộng đồng nói chung;
- Tổ chức các buổi đối thoại trực tiếp với người lao động của Công ty với tinh thần lắng nghe, chia sẻ, giải đáp các vấn đề cho người lao động nhằm hỗ trợ người lao động một cách tốt nhất, đảm bảo một môi trường công bằng, lợi ích cho người lao động;



**c) Các mặt công tác khác:**

- Tăng cường công tác đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm được đặc biệt quan tâm thông qua các chương trình đào tạo, huấn luyện và thực hành thực tế;
- Hoạt động đào tạo nhận thức, kỹ năng, tư duy phục vụ khách hàng bằng hình thức kết hợp các hoạt động vui chơi, tổng kết... đã thực sự phát huy được hiệu quả cũng như từng bước đem lại sự đoàn kết nhất định trong khối nội bộ Công ty.
- Công tác truyền thông được chú trọng hơn bao giờ hết khiến cho hệ thống thông tin nội bộ được đảm bảo thông báo tới toàn thể người lao động trong Công ty được biết, hiểu và nhất trí cùng thực hiện theo;
- Có các chính sách cho cán bộ công nhân viên tham gia những buổi sinh hoạt tập thể, du lịch, nghỉ mát nhằm tạo cho người lao động một tinh thần thoải mái nhất và xứng đáng với sức lao động bỏ ra, qua đó giữ chân người lao động để gắn bó cho sự phát triển của Công ty;
- Thực hiện các hoạt động vì cộng đồng như chương trình từ thiện, giúp đỡ người nghèo, hoàn cảnh khó khăn; hàng năm Công ty còn tổ chức những buổi gặp gỡ, giao lưu, trao quà cho các cựu chiến binh, mẹ Việt Nam anh hùng, qua đó thể hiện rõ tinh thần “Uống nước nhớ nguồn”.

**d) Kế hoạch phát triển trong tương lai**

- Xây dựng các giá trị cốt lõi:
  - + Kinh doanh bằng sự trung thực, lấy khách hàng làm trung tâm.
  - + Lấy nguồn nhân lực làm trọng điểm cho sự phát triển, lên kế hoạch trong tương lai tập trung đào tạo cho người lao động Công ty, phân rõ theo từng cấp độ người lao động và có các chương trình đào tạo phù hợp với trình độ;
- Nâng cao hệ thống phần mềm quản trị Công ty, đảm bảo hệ thống vận hành thông suốt, ổn định;
- Tập trung chiến lược nâng cao năng lực quản lý, năng lực điều hành tại các chi nhánh;
- Xây dựng các chiến lược marketing nhằm mở rộng thị phần, thu hút các khách hàng mới và tăng cường vị thế của Công ty trên thị trường, phấn đấu trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong ngành Logistics.

**14. Đánh giá của tổ chức tư vấn (FPTS) về kế hoạch lợi nhuận**



Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán FPT (FPTS) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT). Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có khả năng để thực hiện, điều này được thể hiện qua phần lợi nhuận sau thuế trong 02 năm gần đây của Công ty. Nhằm thực hiện được đúng kế hoạch lợi nhuận đề ra đòi hỏi Ban lãnh đạo Công ty phải có những chính sách, quyết định đúng đắn, phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và tình hình thị trường đồng thời cùng với sự quyết tâm cao của toàn thể cán bộ công nhân viên trong VNT.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

**15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành**

Không có

**16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá trái phiếu chào bán**

Không có

**V. TRÁI PHIẾU CHÀO BÁN**

**1. Các văn bản pháp lý liên quan đến đợt chào bán**

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014;
- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều luật chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010;
- Nghị định 58/2012/NĐ-CP được Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 20/07/2012;
- Nghị định 60/2015/NĐ-CP của Chính phủ được ký ban hành vào ngày 26/06/2015;
- Thông tư số 162/2015/TT-BTC được Bộ tài chính ban hành ngày 26/10/2015;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương;



- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2020 của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu.

## **2. Loại trái phiếu**

Trái phiếu chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo.

## **3. Lãi suất**

Trái phiếu chuyển đổi có lãi suất 7%/ năm

## **4. Kỳ hạn trả lãi**

Lãi trái phiếu được thanh toán 01 năm/lần vào:

- Ngày tròn năm thứ nhất kể từ ngày phát hành Trái phiếu của đợt phát hành
- Ngày đáo hạn của Trái phiếu trong đợt phát hành

## **5. Mệnh giá**

100.000 đồng/Trái phiếu (Một trăm nghìn đồng/Trái phiếu)

## **6. Tổng số trái phiếu dự kiến chào bán**

Số lượng phát hành: 1.200.000 Trái phiếu

Trái phiếu phát hành được chia làm 02 đợt

- Đợt 1: 600.000 trái phiếu (Trong quý III, quý IV năm 2020)
- Đợt 2: 600.000 trái phiếu (Trong năm 2021)

## **7. Kỳ hạn trái phiếu: (Thời hạn trái phiếu)**

02 năm kể từ ngày phát hành

## **8. Giá chào bán dự kiến**

Giá chào bán dự kiến là 100.000 đồng/Trái phiếu

## **9. Phương pháp tính giá**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương đã thông qua mức giá phát hành Trái phiếu chuyển đổi cho Cổ đông hiện hữu bằng mệnh giá (100.000 đồng/Trái phiếu). Đây là mức giá phù hợp với tình hình thị trường, tình hình hoạt động thực tế của Công ty và tạo được sức hấp dẫn cho các cổ đông.

## **10. Phương thức phân phối**

- Dự kiến đợt 1: 600.000 Trái phiếu tương đương tổng mệnh giá 60.000.000.000 đồng (Trong quý III, quý IV năm 2020). Tỷ lệ chào bán cho cổ đông hiện hữu là



- 19,915 : 01 (tức là cổ đông sở hữu 19,915 cổ phiếu được quyền mua 01 trái phiếu).
- Dự kiến đợt 2: 600.000 Trái phiếu tương đương tổng mệnh giá 60.000.000.000 đồng (Trong năm 2021). Tỷ lệ chào bán cho cổ đông hiện hữu là 19,915 : 01 (tức là cổ đông sở hữu 19,915 cổ phiếu được quyền mua 01 trái phiếu).
  - Tỷ lệ chào bán cho cổ đông hiện hữu phụ thuộc vào số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm thực hiện triển khai phương án chào bán trái phiếu và số lượng trái phiếu chào bán thực tế của từng đợt phát hành. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chi tiết tỷ lệ thực hiện chào bán trái phiếu chuyển đổi cho cổ đông hiện hữu phù hợp để đảm bảo tổng giá trị trái phiếu chào bán từng đợt theo phương án này.
  - Nguyên tắc làm tròn trái phiếu và phương án xử lý trái phiếu lẻ và trái phiếu không chào bán hết: Trái phiếu được quyền mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, trái phiếu lẻ sẽ tự động hủy bỏ. Số trái phiếu không chào bán hết sẽ tự động hủy bỏ.

### 11. Thời gian phân phối trái phiếu

Dự kiến đợt 1 trong Quý III, Quý IV năm 2020 (60.000.000.000 đồng) và đợt 2 trong năm 2021 (60.000.000.000 đồng)

Thời gian chào bán dự kiến của từng đợt không kéo dài quá 90 ngày. Khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước không quá 12 tháng.

Chi tiết nêu trong Thông báo phát hành sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Lịch phân phối dự kiến đợt 1 như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Nhận giấy chứng nhận chào bán từ Ủy ban Chứng khoán	D
2	Công bố thông tin	D + 3
3	Chốt danh sách	D + 10
4	Đăng ký, nộp tiền	D + 10 → D + 30
6	Báo cáo đợt phát hành cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	D + 45
7	Trao trả giấy chứng nhận sở hữu Trái phiếu	D + 45 → D + 90

### 12. Đăng ký mua trái phiếu

- **Số lượng:** 1.200.000 trái phiếu
- **Phương thức thanh toán:** nộp tiền vào Tài khoản phong tỏa nêu tại Bản cáo bạch này





- **Chuyển giao trái phiếu:** Trái phiếu được tự do chuyển nhượng. Tỷ lệ sở hữu trái phiếu của Nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 49% tổng số trái phiếu được phát hành.
- **Quyền lợi của người mua trái phiếu:** Trái phiếu chuyển đổi được chuyển đổi thành cổ phiếu theo tỷ lệ quy định ở trên và được UBCKNN chấp thuận. Đến ngày chuyển đổi, trái phiếu sẽ tự động chuyển đổi thành cổ phiếu đứng tên người sở hữu trái phiếu tại ngày chốt danh sách để thực hiện chuyển đổi. Người sở hữu trái phiếu chuyển đổi được quyền chuyển nhượng, cho, tặng, để lại thừa kế, chiết khấu và cầm cố vay vốn trong các quan hệ dân sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp chuyển nhượng, cho, tặng chỉ được thực hiện khi hết thời gian hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phát hành.
- **Số lượng trái phiếu đặt mua tối thiểu:** Không quy định

### 13. Quyền của người sở hữu trái phiếu

Trái phiếu chuyển đổi được chuyển đổi thành cổ phiếu theo tỷ lệ quy định ở trên và được UBCKNN chấp thuận. Đến ngày chuyển đổi, trái phiếu sẽ tự động chuyển đổi thành cổ phiếu đứng tên người sở hữu trái phiếu tại ngày chốt danh sách để thực hiện chuyển đổi. Người sở hữu trái phiếu chuyển đổi được quyền chuyển nhượng, cho, tặng, để lại thừa kế, chiết khấu và cầm cố vay vốn trong các quan hệ dân sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp chuyển nhượng, cho, tặng chỉ được thực hiện khi hết thời gian hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phát hành.

### 14. Phương thức thực hiện quyền

- Các quyền kèm theo trái phiếu: Cổ đông sở hữu 19,915 cổ phiếu được quyền mua 01 trái phiếu chuyển đổi với giá là 100.000 đồng/trái phiếu
- Điều kiện, thời gian thực hiện quyền: Tại Ngày chuyển đổi, Trái phiếu chuyển đổi được tự động chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương
- Tỷ lệ chuyển đổi và phương pháp tính giá mua và/hoặc chuyển đổi:
  - Giá chuyển đổi: Giá chuyển đổi được xác định bằng **80% Giá trị sổ sách** của Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương trên báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất tính đến mỗi Ngày chuyển đổi, nhưng trong mọi trường hợp không cao hơn **15.000 Đồng/ Cổ phần**.
  - Tỷ lệ chuyển đổi:  
Tỷ lệ chuyển đổi được tính theo công thức: Tỷ lệ chuyển đổi = Mệnh giá trái phiếu/Giá chuyển đổi
  - Điều chỉnh giá chuyển đổi:  
Giá chuyển đổi có thể được điều chỉnh theo Điều khoản chống Pha loãng dưới đây trong trường hợp giá trị sổ sách nêu trên chưa phản ánh các sự kiện pha loãng được áp dụng.



HDQT sẽ xác định giá chuyển đổi chính thức và thông báo tại mỗi Thông báo chuyển đổi Trái phiếu.

▪ Điều khoản chống pha loãng:

Trong khoảng thời gian từ thời điểm phát hành đến khi chuyển đổi, để đảm bảo cho quyền lợi của trái chủ, giá chuyển đổi của trái phiếu sẽ được điều chỉnh tương ứng với tỷ lệ điều chỉnh giá tham chiếu của cổ phiếu VNT trên Sở giao dịch chứng khoán trong các trường hợp tổ chức phát hành:

- Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu;
- Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá thấp hơn giá thị trường tại thời điểm phát hành;
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu và/hoặc tiền mặt;

Giá chuyển đổi sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

**Giá chuyển đổi điều chỉnh = Giá chuyển đổi đang được áp dụng \*  $\frac{PR_t}{PR(t-1)}$**

Trong đó:

- $PR(t-1)$  là giá đóng cửa của cổ phiếu VNT trước ngày của các ngày hưởng quyền nêu trên.
  - $PR_t$  là giá tham chiếu đã được điều chỉnh của cổ phiếu VNT tại các ngày không hưởng các quyền nêu trên.
- Phương án đền bù cho chủ sở hữu trái phiếu trong trường hợp Tổ chức phát hành không thực hiện việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần theo các điều kiện, điều khoản đã công bố: Trái phiếu chuyển đổi của Công ty là trái phiếu được tự động chuyển đổi thành cổ phiếu tại thời điểm chuyển đổi. Công ty sẽ thực hiện chuyển đổi đầy đủ đúng theo các điều kiện tại phương án phát hành, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của trái chủ, các cổ đông và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện đúng các quy định này.

**15. Cam kết về bảo đảm**

Không

**16. Các loại thuế có liên quan**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp (20%);
- Thuế giá trị gia tăng (10%);
- Các loại thuế khác: áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**17. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu**

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Thanh Xuân
- Số tài khoản: 22210004082548

**VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN**

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương phát hành trái phiếu chuyển đổi là





cần thiết và có ý nghĩa quan trọng. Cụ thể sẽ sử dụng phần vốn thu được như sau:

**Đợt 1 (Quý III, quý IV năm 2020):**

- Tăng quy mô hoạt động, cụ thể là góp thêm vốn vào Công ty:
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long
- Tái cơ cấu lại các khoản nợ nhằm nâng cao năng lực tài chính.

**Đợt 2 (Trong năm 2021):** Tái cơ cấu lại các khoản nợ nhằm nâng cao năng lực tài chính:

- Trả một phần khoản vay các ngân hàng nhằm cải thiện tình hình tài chính.

**VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN**

❖ **Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán:**

Số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu sau 02 đợt dự kiến là **120.000.000.000 đồng** (Một trăm hai mươi tỷ đồng) sẽ dùng để góp thêm vốn vào CTCP Dịch vụ Logistics Thăng Long và trả một phần nợ vay với các ngân hàng nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho Công ty.

Phương án sử dụng vốn dự kiến đã được Công ty thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2020, được điều chỉnh, sửa đổi theo Nghị quyết HĐQT số 08/2020/NQ-HĐQT ngày 25/08/2020 và Nghị quyết HĐQT số 09/2020/NQ-HĐQT ngày 09/10/2020 để phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh và nợ vay các tổ chức tín dụng của Công ty. Phương án sử dụng vốn chi tiết như sau:

**Đợt 1: 60.000.000.000 (Sáu mươi tỷ đồng)**

**Thời gian dự kiến: Quý III, quý IV năm 2020**

Mục đích: Tăng quy mô hoạt động, cụ thể là góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long và tái cơ cấu lại các khoản nợ nhằm nâng cao năng lực tài chính.

STT	Tên Công ty/Ngân hàng	Giá trị góp vốn/Thanh toán (VNĐ)	Thời gian dự kiến sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành
<b>I. Góp thêm vốn vào Công ty</b>			
1	CTCP Dịch vụ Logistics	20.000.000.000	Trong năm

	Thăng Long  <i>Trong đó:</i>  - Đợt 1: - Đợt 2:	2.585.000.000 17.415.000.000	2020 – 2021  <i>Trước 31/12/2020 Quý I hoặc Quý II năm 2021 (CTCP Dịch vụ Logistics Thăng Long gửi thông báo chính thức trước 15 ngày làm việc)</i>
<b>II. Tái cơ cấu lại các khoản nợ</b>			
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) <i>(Thanh toán các khoản nhận nợ theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2020/7770185/HĐTD ký ngày 28/08/2020 giữa BIDV và VNT có thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng từ ngày ký Hợp đồng)</i>	40.000.000.000	Trong năm 2020 - 2021
<b>Tổng cộng</b>		<b>60.000.000.000</b>	

**Đợt 2: 60.000.000.000 (Sáu mươi tỷ đồng)**

**Thời gian dự kiến: Trong năm 2021**

Mục đích: Tái cơ cấu lại các khoản nợ nhằm nâng cao năng lực tài chính

STT	Tên Ngân hàng	Giá trị Thanh toán (VNĐ)	Thời gian dự kiến sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) <i>(Thanh toán các khoản nhận nợ theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2020/7770185/HĐTD ký ngày 28/08/2020 giữa BIDV và VNT có thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng từ ngày ký Hợp đồng)</i>	58.000.000.000	Trong năm 2021
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) <i>(Thanh toán các khoản nhận nợ theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1706/2019/HĐCTD/VCB-VNT ngày 17/06/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung 01/2020/HĐSDCTD/VCB-VNT ngày 21/05/2020 giữa VCB và VNT có thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng từ ngày ký Hợp đồng)</i>	2.000.000.000	Trong năm 2021



<b>Tổng cộng</b>	<b>60.000.000.000</b>
------------------	-----------------------

**VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN****❖ Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

Địa chỉ : Tầng 5, Sai Gon 3 Building, 140 Nguyễn Văn Thủ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3827 5026

Fax : (028) 3827 5027

Website : [www.rsm.com.vn/](http://www.rsm.com.vn/)

**❖ Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT*****Trụ sở chính tại Hà Nội***

Địa chỉ: Số 52 Lạc Long Quân, Quận Tây Hồ - Tp. Hà Nội

Điện thoại: 024.3773.7070 Fax: 024.3773.9058

Email: [fptsecurities@fpts.com.vn](mailto:fptsecurities@fpts.com.vn) Website: [www.fpts.com.vn](http://www.fpts.com.vn)

***Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh***

Địa chỉ: Số 29 - 31 Nguyễn Công Trứ - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.2852.525 Fax: 028.9255.246

***Chi nhánh tại Tp. Đà Nẵng***

Địa chỉ: Số 100 Quang Trung - Phường Thạch Thang - Quận Hải Châu - Tp. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236.3553.666 Fax: 0236.3553.888

**IX. PHỤ LỤC**

**Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và điều lệ Công ty năm 2018;



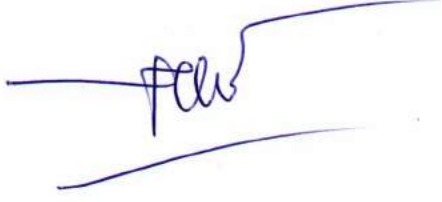
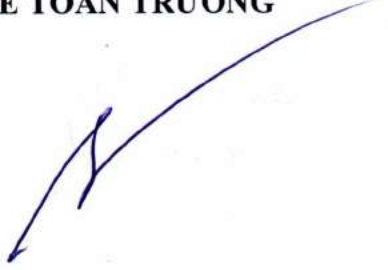

**Phụ lục II:** Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 ngày 30/06/2020 thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán Trái phiếu ra công chúng;

**Phụ lục III:** Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019; BCTC hợp nhất đã được soát xét 6 tháng năm 2020 và BCTC hợp nhất quý III năm 2020;

**Phụ lục IV:** Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được của đợt chào bán gần nhất;

**Phụ lục V:** Các tài liệu khác có liên quan đến hồ sơ chào bán (nếu có).

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2020

<b>TỔ CHỨC PHÁT HÀNH</b> <b>CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG</b>	
<b>CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>  <b>NGUYỄN XUÂN GIANG</b>	<b>TỔNG GIÁM ĐỐC</b>  <b>TRẦN CÔNG THÀNH</b>
<b>TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT</b>  <b>THÁI VĂN TOÀN</b>	<b>KẾ TOÁN TRƯỞNG</b>  <b>ĐỖ THỊ THU HIỀN</b>
<b>TỔ CHỨC TƯ VẤN</b> <b>CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT</b>	
<b>GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP</b>  <b>NGUYỄN THỊ HẠNH</b>	